

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM**

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU

**GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XUẤT
KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM CHO PHÙ HỢP VỚI QUÁ
TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Tp Hồ Chí Minh – Năm 2007

LỜI MỞ ĐẦU

1/ Ý nghĩa chọn đề tài:

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cũng đồng nghĩa là Việt Nam bắt đầu bước vào sân chơi chung của thị trường thương mại thế giới theo luật chơi chung dành cho tất cả các thành viên của tổ chức này và từng bước thực hiện việc hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp. Ngành nông nghiệp có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam ở mọi giai đoạn phát triển. Với các chương trình phát triển và đặc biệt là chương trình nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, không thể loại trừ khả năng Việt Nam sẽ mong muốn tăng thêm trợ cấp để giúp khu vực tư nhân trong nhiều hoạt động, trong đó có việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (về chất lượng, lao động, môi trường) và để thu hút đầu tư nước ngoài. Trợ cấp cũng là một biện pháp cần thiết để phát triển kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh hàng nông nghiệp của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Các khoản trợ cấp trên thực tế cũng có những mặt lợi nhất định, có thể góp phần vào tiến trình từng bước hoà nhập các thị trường khác nhau, giúp đa dạng hoá các nền kinh tế và hỗ trợ trợ cho một chiến lược tổng thể và phát triển công nghiệp của khu vực. Các khoản trợ cấp cũng có thể là một nhân tố quan trọng trong công cuộc giảm nghèo ở những vùng khó khăn hay ở những ngành sử dụng nhiều lao động. Tuy nhiên, Việt Nam đã sử dụng các biện pháp trợ cấp như thế nào? Và các biện pháp trợ cấp của Việt Nam đã và đang sử dụng liệu có phù hợp với quy định của WTO hay không? Vì vậy, với mong muốn tìm hiểu sâu hơn các quy định về trợ cấp xuất khẩu của WTO và đóng góp phần nào những kiến nghị về việc sử dụng có hiệu quả các biện pháp trợ cấp của Việt Nam, tôi quyết định chọn đề tài để làm luận văn tốt nghiệp như sau: **“GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM CHO PHÙ HỢP VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ”**

2/ Mục tiêu nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Nghiên cứu các qui định của WTO về trợ cấp.
- Đánh giá thực trạng trợ cấp nông sản xuất khẩu của Việt Nam.
- Đề xuất giải pháp đổi mới trợ cấp nông nghiệp.

3/ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu vấn đề trợ cấp về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn.
- Phạm vi nghiên cứu: luận văn chỉ nghiên cứu trợ cấp trong lĩnh vực nông nghiệp.

4/ Phương pháp nghiên cứu luận văn: luận văn sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, đánh giá đồng thời kết hợp với phương pháp nghiên cứu điển hình. Do không thực hiện được phương pháp phát phiếu điều tra vì các lý do khách quan cho nên tôi xin phép dùng phương pháp nghiên cứu điển hình.

5/ Điểm mới của luận văn: để làm luận văn này, tôi đã nghiên cứu rất nhiều tác phẩm dưới dạng sách, báo, tác phẩm nghiên cứu nhưng sau đây là một số tác phẩm tiêu biểu nhất:

- GS.TS Bùi Xuân Lưu, Bảo hộ hợp lý nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, NXB thống kê, Hà Nội 2004.
- Bộ thương mại, Cơ sở khoa học áp dụng thuế chống trợ cấp đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Hà Nội 2001.

Tôi đã kế thừa từ hai tác phẩm trên ở những điểm sau:

- Khái niệm và phân loại trợ cấp.
- Tác động của trợ cấp.
- Thực trạng các biện pháp, chính sách bảo hộ nông nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, luận văn có những điểm mới hơn so với những tác phẩm đã nghiên cứu sau đây:

- Nghiên cứu sâu sắc 2 bộ quy định về trợ cấp của WTO là Hiệp định SCM và Hiệp định AoA.
- Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng chính sách trợ cấp nông nghiệp của Mỹ và Trung Quốc và rút ra các bài học cho Việt Nam.
- Nghiên cứu chuyên sâu, cụ thể hơn thực trạng chính sách trợ cấp của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Đánh giá sự phù hợp của chính sách trợ cấp nông sản Việt Nam so với quy định của WTO.
- Đưa ra các giải pháp đổi mới chính sách trợ cấp nông nghiệp cho phù hợp với quy định của WTO.

6/ Nội dung nghiên cứu: bộ cục luận văn gồm có 3 phần với các nội dung chính như sau:

CHƯƠNG 1: *Một số hiểu biết về trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu.* Ở chương này qua kế thừa các tài liệu viết về trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu cùng với sự nghiên cứu, tôi đã đề cập đến các nội dung nổi bật sau:

- Các khái niệm và quan điểm về trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu. Phân loại trợ cấp.
- Tác động của trợ cấp.
- Kinh nghiệm sử dụng trợ cấp của Mỹ và Trung Quốc từ đó rút ra một số bài học đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 2: *Thực trạng chính sách trợ cấp cho các mặt hàng nông sản Việt Nam.* Ở chương này, luận văn nghiên cứu những vấn đề quan trọng sau đây nhằm làm cơ sở để đề ra giải pháp sử dụng các biện pháp trợ cấp có hiệu quả ở chương 3:

- Nghiên cứu thực trạng xuất khẩu nông nghiệp của Việt Nam bao gồm những thành công và hạn chế. Thực trạng về khả năng cạnh tranh của mặt hàng nông sản Việt Nam trong hội nhập kinh tế thế giới.

- Phân tích các biện pháp trợ cấp nông sản của Việt Nam trong thời gian qua. Qua đó, đánh giá sự phù hợp của các biện pháp trợ cấp xuất khẩu đối với các quy định của WTO.

- Nêu lên các cam kết của Việt Nam về trợ cấp khi gia nhập WTO và đánh giá tác động của các cam kết đó đối với các doanh nghiệp và nông dân Việt Nam.

CHƯƠNG 3: *Giải pháp đổi mới chính sách trợ cấp xuất khẩu nông sản Việt Nam cho phù hợp quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.*

Chương 3 được xây dựng dựa trên 02 bộ quy định về trợ cấp là Hiệp định AoA và Hiệp định SCM và xu hướng sử dụng trợ cấp của thế giới cùng với những bài học kinh nghiệm đã nêu ở chương 1, thực trạng các biện pháp tài trợ xuất khẩu của Việt Nam ở chương 2.

Do tính chất phức tạp của các vấn đề nghiên cứu cho nên tôi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm số liệu và khả năng trình độ của tác giả có hạn. vì thế, luận văn còn nghèo nàn về số liệu để minh họa và không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Kính mong được sự đóng góp ý kiến của Quý thầy, cô và hội đồng để luận văn được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ TRỢ CẤP

VÀ TRỢ CẤP XUẤT KHẨU

1.1 KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TRỢ CẤP

1.1.1 **Khái niệm về trợ cấp:**

Trợ cấp là một công cụ chính sách được sử dụng rộng rãi và phổ biến ở hầu hết các nước nhằm đạt các mục tiêu của chính phủ về kinh tế - xã hội - chính trị, Tuy vậy, việc đi đến một khái niệm tương đối chính xác và thống nhất về “trợ cấp” là một chủ đề gây tranh cãi không chỉ giữa các quốc gia mà còn giữa các học giả. Một vấn đề cũng gây tranh cãi không kém là làm thế nào để phân biệt giữa các hình thức trợ cấp chấp nhận được với các trợ cấp gây bóp méo thương mại, hay trả lời câu hỏi “Những trợ cấp nào không được chấp nhận trong thương mại quốc tế?”.

Tùy theo mục đích mà định nghĩa trợ cấp có thể rộng hay hẹp. Chẳng hạn, định nghĩa rất hẹp về trợ cấp có thể chỉ bao gồm mỗi biện pháp cấp tiền trực tiếp cho một ngành hoặc một số doanh nghiệp cụ thể. Nhược điểm của định nghĩa này là bỏ qua nhiều biện pháp trợ cấp khác có ảnh hưởng về mặt kinh tế tương đương với biện pháp cấp tiền trực tiếp này. Do đó, có thể gây khó khăn hoặc nhầm lẫn trong việc so sánh mức trợ cấp giữa các nước khác nhau.

Tuy nhiên, định nghĩa rộng hơn về trợ cấp lại cũng có những điểm yếu riêng như bao trùm cả ảnh hưởng do các hoạt động của chính phủ vào phạm vi định nghĩa, dẫn tới việc đánh đồng nhiều hoạt động của chính phủ cũng mang tính chất của một biện pháp trợ cấp. Ví dụ như bảo hiểm thất nghiệp có thể bị coi là trợ cấp gián tiếp cho một số ngành nghề nhất định mang tính thời vụ hoặc chu kỳ. Hay chi phí của chính phủ cho các hàng hóa công cộng như tư pháp, an ninh, giáo dục, đường sá, quốc phòng,... cũng có thể bị xem là trợ cấp.

Theo định nghĩa của Từ điển Oxford dành cho giới kinh doanh (nhà xuất bản Đại học Oxford 1994), “trợ cấp là khoản tiền do nhà nước cấp cho các nhà sản xuất một số hàng hóa nhất định để giúp họ có thể bán các hàng hóa đó cho dân chúng với giá thấp, để cạnh tranh với các nhà sản xuất nước ngoài, để tránh hàng tồn đọng thừa ế và tránh tạo ra thất nghiệp,.... Nhìn chung, trợ cấp gây bóp méo thương mại quốc tế và không phổ biến nhưng đôi khi vẫn được các chính phủ sử dụng để giúp tạo dựng một ngành sản xuất mới trong nước”.

Như vậy trợ cấp của chính phủ là một công cụ trực tiếp tái phân phối nguồn thu ngân sách của chính phủ cho một số đối tượng. Trợ cấp có thể dưới dạng cho vay, xóa nợ, hoàn hoặc miễn thuế. Trong một số trường hợp khác, chính phủ không nhất thiết phải trích từ nguồn ngân sách của mình để trợ cấp mà có thể thông qua công cụ luật pháp để hướng nguồn lực từ nhóm đối tượng này chuyển sang cho nhóm đối tượng khác, cụ thể ở đây là làm lợi cho nhà sản xuất bằng tiền từ túi người tiêu dùng thông qua việc hỗ trợ giá.

1.1.2 Các quan điểm về trợ cấp xuất khẩu:

- Trợ cấp xuất khẩu (định nghĩa theo Bách khoa toàn thư): Sự ưu đãi về tài chính hay cung cấp tiền bổ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu hay người sản xuất nhằm giảm giá thành hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Trợ cấp xuất khẩu là những khoản chi chính phủ thực hiện để khuyến khích hoạt động xuất khẩu của những sản phẩm xác định. Tương tự như với thuế, các khoản trợ cấp có thể được tính trên một cơ sở cụ thể nào đó hoặc trên cơ sở giá hàng hóa. Nhóm sản phẩm được trợ cấp xuất khẩu phổ biến nhất là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm chế biến từ sữa.

- Trợ cấp xuất khẩu là những khuyến khích đặc biệt từ phía chính phủ nhằm cổ vũ hoạt động bán hàng ra nước ngoài. Các khoản trợ cấp phụ thuộc vào biểu hiện xuất khẩu, có thể dưới hình thức chi trả bằng tiền mặt, chuyển nhượng hàng trong kho chính phủ tại mức giá thấp hơn giá thị trường, các khoản trợ cấp được tài trợ bởi nhà sản xuất, nhà chế biến như là kết quả từ của những vận động từ phía chính phủ chẳng hạn như thâm định, trợ cấp marketing, trợ cấp chuyên chở hàng hóa và

trợ cấp cho hàng hóa phụ thuộc sự tham gia của chúng vào nhóm các sản phẩm xuất khẩu.

1.1.3 Phân loại trợ cấp:

1.1.3.1 Trợ cấp nông nghiệp và phi nông nghiệp:

Dưới góc độ lĩnh vực kinh tế, người ta chi trợ cấp thành trợ cấp nông nghiệp và trợ cấp phi nông nghiệp.

Theo cách hiểu thông thường, trợ cấp nông nghiệp là trợ cấp dành cho các sản phẩm nông nghiệp và cho các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Ví dụ: trợ cấp nghiên cứu giống cây, giống con; trợ cấp cho nông dân trồng lúa, trợ cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp; thưởng theo kim ngạch xuất khẩu nông sản; áp dụng cước phí vận tải ưu đãi với nông sản xuất khẩu; v.v....

Trợ cấp công nghiệp là trợ cấp dành cho các sản phẩm công nghiệp và cho các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp. Ví dụ: thuế nhập khẩu ưu đãi với sản phẩm cơ khí thực hiện chương trình nội địa hóa; áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi với các dự án phát triển sản phẩm công nghiệp trọng điểm v.v....

Các hiệp định của WTO cũng tạm chia ra điều chỉnh trợ cấp theo: trợ cấp nông nghiệp (gồm hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu nông sản), trợ cấp phi nông sản. Hiệp định SCM tạm thời được hiểu là chỉ điều chỉnh về trợ cấp phi nông sản (tức là các sản phẩm ngoài phạm vi Hiệp định nông nghiệp).

1.1.3.2 Trợ cấp trong nước và trợ cấp xuất khẩu:

Dưới góc độ thương mại quốc tế thì trợ cấp chia thành hai loại: Trợ cấp trong nước và trợ cấp xuất khẩu.

Trợ cấp trong nước được hiểu là trợ cấp với đối tượng nhận trợ cấp là các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá trước tiên hoặc chủ yếu là để phục vụ thị trường trong nước, hay nói cách khác, hàng hoá được trợ cấp phải là hàng hoá được tiêu thụ tại thị trường nội địa của nhà sản xuất. Doanh nghiệp được trợ cấp không nhất thiết phải là doanh nghiệp 100 % vốn trong nước. Ví dụ chính phủ cung ứng điện với giá thấp cho ngành sản xuất phân bón trong nước (gồm cả DN 100 % vốn trong nước, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh). Tuy nhiên,

trợ cấp trong nước có thể có tác động gián tiếp tới hoạt động xuất khẩu nếu sản phẩm do doanh nghiệp nhận trợ cấp sản xuất ra cuối cùng lại được xuất khẩu. Trong trường hợp đó, trợ cấp trong nước của một nước sẽ được nhìn nhận như một dạng “trợ cấp xuất khẩu” dưới góc độ của nước nhập khẩu hàng hoá được trợ cấp. Như vậy, tuy rằng mục đích thực chất ban đầu của trợ cấp này không nhằm khuyến khích xuất khẩu nhưng ảnh hưởng hay tác động của trợ cấp đối với những sản phẩm được xuất khẩu lại giống với trợ cấp xuất khẩu và do vậy mà có thể bị các nước nhập khẩu điều tra đánh thuế chống trợ cấp.

Trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa thông thường là trợ cấp chỉ dành riêng cho hoặc liên quan tới hoạt động xuất khẩu, hay mục đích của trợ cấp là đẩy mạnh sản xuất. Do đó, căn cứ để trợ cấp thông thường là lượng hàng hoá xuất khẩu thực sự hoặc dự kiến xuất khẩu. Ví dụ: chương trình thưởng xuất khẩu của chính phủ theo đó doanh nghiệp được thưởng 100 đồng cho mỗi sản phẩm xuất khẩu được. Tuy nhiên, việc chính phủ đơn thuần trợ cấp cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu không thể nghiễm nhiên dẫn đến kết luận là trợ cấp xuất khẩu mà còn cần xem xét đến một số yếu tố khác. Trợ cấp xuất khẩu thường có hệ quả là hàng xuất khẩu được bán trên thị trường nước ngoài với giá thấp hơn trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu.

1.1.3.3 Trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể dẫn tới hành động và trợ cấp không dẫn tới hành động:

Hiệp định SCM chia trợ cấp thành 3 dạng dựa trên mức độ ảnh hưởng đến thương mại đại chúng:

- **Trợ cấp bị cấm áp dụng (trợ cấp đèn đỏ)** bao gồm trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp khuyến khích sử dụng hàng nội địa thay thế hàng nhập khẩu. Hai dạng trợ cấp này bị cấm sử dụng vì tác động tiêu cực tới thương mại và ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích của các nước thành viên WTO khác.

Trợ cấp xuất khẩu là trợ cấp phụ thuộc hoàn toàn hoặc một phần, dù theo luật hay trên thực tế vào việc thực hiện hoạt động xuất khẩu.

Trợ cấp khuyến khích sử dụng hàng nội địa thay thế hàng nhập khẩu (hay còn gọi là trợ cấp thay thế nhập khẩu) là trợ cấp phụ thuộc hoàn toàn hoặc một phần vào việc sử dụng hàng xuất khẩu trong nước so với hàng nhập khẩu. Ví dụ các doanh nghiệp lắp ráp ô tô sử dụng phụ tùng, linh kiện sản xuất trong nước chiếm ít nhất 60% giá trị ô tô thành phẩm được hưởng ưu đãi thuế.

Nhiều trường hợp các nước còn sử dụng kết hợp cả hai dạng trợ cấp bị cấm này, như trợ cấp 60 USD/tấn bột mì xuất khẩu nhằm bù đắp lại việc công ty phải chấp nhận chỉ sử dụng lúa mì trong nước với giá cao hơn thông thường để sản xuất bột mì.

- **Trợ cấp có thể dẫn tới hành động trả đũa (trợ cấp đèn vàng)** là trợ cấp có khả năng bị khiếu kiện ra cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO hoặc có thể bị đánh thuế chống trợ cấp nếu trợ cấp đó gây thiệt hại đối với nước thành viên WTO khác. Trong mọi trường hợp, nếu một nước muốn áp dụng hành động khắc phục thương mại chống lại hành vi trợ cấp của nước khác, nước đó phải chứng tỏ được rằng trên thực tế, hành vi của nước khác đúng là trợ cấp theo định nghĩa tại Điều 1 Hiệp định SCM, là trợ cấp riêng biệt theo Điều 2 hiệp định này, và gây tác động thương mại bất lợi cho nước muốn áp dụng hành động khắc phục thương mại.

- **Trợ cấp không dẫn tới hành động trả đũa (trợ cấp đèn xanh)** là trợ cấp không bị khiếu kiện ra cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO hay bị đánh thuế chống trợ cấp. Trợ cấp dạng này gồm các trợ cấp không riêng biệt theo cách hiểu của Điều 2 và các trợ cấp thỏa mãn một số điều kiện và tiêu chí nhất định đối với (i) chương trình hỗ trợ của nhà nước cho hoạt động nghiên cứu công nghiệp và phát triển tiên cạnh tranh; hoặc (ii) hỗ trợ của nhà nước cho phát triển vùng; hoặc (iii) hỗ trợ của nhà nước nhằm giúp các doanh nghiệp đáp ứng những yêu cầu mới về môi trường. Lý do để các dạng trợ cấp này được duy trì là vì người ta cho rằng chúng hầu như không gây tác động bất lợi đến lợi ích của các nước thành viên khác, hoặc do việc áp dụng chúng có lợi nhất định và không nên bị ngăn chặn. Để được công nhận là trợ cấp đèn xanh, các nước thành viên muốn áp dụng trợ cấp này phải thông

báo về biện pháp trợ cấp cho Ủy ban về Trợ cấp trước khi áp dụng để Ủy ban này kiểm tra và kết luận.

1.2 TÁC ĐỘNG CỦA TRỢ CẤP

1.2.2 Trợ cấp trong nước:

1.2.1.1 Tác động thuận lợi:

Trợ cấp trong nước mang lại hiệu quả tích cực cho các nước tiến hành trợ cấp. Chính phủ các nước thường chủ động tiến hành trợ cấp cho các doanh nghiệp và sản phẩm các nước mình nhằm đạt được một số mục tiêu kinh tế xã hội nhất định như bảo hộ sản xuất trong nước, hỗ trợ phát triển ngành non trẻ hay ngành trọng điểm của nền kinh tế, khuyến khích đầu tư cải thiện thu nhập của nhà sản xuất, bù đắp chi phí đầu tư ban đầu quá lớn,... Quyết định trợ cấp của chính phủ thường được đưa ra nhằm phục vụ lợi ích của một đối tượng nhất định có vai trò chi phối và ảnh hưởng chính trị lớn đối với chính phủ.

Chính phủ có thể trợ cấp trực tiếp cho nhà sản xuất hoặc trợ cấp gián tiếp thông qua đầu vào cho nhà sản xuất. Với mọi hình thức trợ cấp lợi thế và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong những ngành được trợ cấp luôn được cải thiện và nâng cao.

Ví dụ ngành sản xuất bút bi của Việt Nam sản xuất mỗi chiếc bút bi với chi phí là 1.000 đồng, trong khi bút bi nhập ngoại được bán tại Việt Nam với giá 900 đồng/chiếc. Rõ ràng là bút bi ngoại có khả năng cạnh tranh cao hơn bút bi Việt Nam. Giả sử chính phủ Việt Nam trợ cấp 200 đồng cho mỗi chiếc bút bi sản xuất trong nước. Khi đó, giá bút bi Việt Nam bán ra có thể rẻ hơn trước kia tới 200 đồng/chiếc và thấp hơn bút bi nhập khẩu. Như vậy, nhờ có trợ cấp của chính phủ, ngành sản xuất bút bi của Việt Nam có thể cạnh tranh với hàng ngoại nhập và thậm chí có thể đẩy lùi bút bi nhập khẩu tại thị trường trong nước.

Chẳng những có thể ngăn cản, hạn chế hàng nhập khẩu, trợ cấp sản xuất nội địa đồng thời còn có thể khiến cho cam kết ràng buộc thuế quan trong khuôn khổ WTO mất tác dụng, duy trì bảo hộ sản xuất nội địa.

Đối với những ngành công nghiệp non trẻ, bước đầu còn nhỏ bé về quy mô, yếu kém về năng lực cạnh tranh thì trợ cấp từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh mở rộng quy mô, góp phần khởi động và đẩy nhanh sự phát triển của ngành. Đối với những công ty mới gia nhập thị trường, thiếu vốn để trang trải chi phí rất cao trong thời gian đầu, khó cạnh tranh nổi những công ty “đàn anh” đã trụ vững trên thị trường thì hỗ trợ của chính phủ có thể bù đắp cho những khoản thua lỗ phát sinh trong những năm đầu, đưa công ty vào quỹ đạo phát triển ổn định.

Ngoài ra, trợ cấp góp phần duy trì ổn định công ăn việc làm, hạn chế thất nghiệp, đảm bảo trật tự và ổn định xã hội, đặc biệt là những khoản trợ cấp dành cho các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, đứng trước nguy cơ bị đóng cửa, phá sản. Sự hỗ trợ của chính phủ có thể giúp các doanh nghiệp này khỏi bị sụp đổ nhanh chóng, thúc đẩy các doanh nghiệp cơ cấu lại sản xuất, tự điều chỉnh khả năng thích nghi và cạnh tranh trong thời kỳ quá độ do những khó khăn mà môi trường thương mại quốc tế tạo ra.

Trợ cấp cũng có thể sử dụng nhằm khuyến khích ngành sản xuất kém sức cạnh tranh giảm công suất dư thừa hoặc rút khỏi những lĩnh vực hoạt động không hiệu quả hoặc không sinh lợi. Nhờ đó, quá trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động được diễn ra suông sẻ hơn, góp phần thúc đẩy phân bổ nguồn lực thích hợp, hiệu quả và khuyến khích nhập khẩu sản phẩm cạnh tranh từ bên ngoài thay vì tự cố gắng sản xuất và cung cấp những sản phẩm kém cạnh tranh với chi phí đầu tư tốn kém.

Trợ cấp một ngành nhất định có thể có tác động ngược chiều đến các ngành khác trong nền kinh tế. Nếu chính phủ chọn đúng ngành cần được trợ cấp, theo nguyên lý hiệu ứng lan truyền tích cực, trợ cấp sẽ có khả năng tạo ra hiệu ứng tích cực theo dây chuyền. Chẳng hạn khi chính phủ trợ cấp cho ngành xi măng thì các ngành xây dựng cơ sở hạ tầng cũng có điều kiện phát triển. Như vậy, lợi ích của trợ cấp có thể lan rộng sang cho các ngành khác ngoài chính bản thân ngành được trợ cấp. Trợ cấp trong nước còn mang lại lợi ích cho người tiêu dùng vì người tiêu dùng sử dụng sản phẩm được trợ cấp có lợi do giá sản phẩm giảm xuống.

1.2.1.2 Tác động không thuận lợi:

Ngoài những tác động thuận lợi nêu trên cho nước tiến hành trợ cấp trong nước, trợ cấp trong nước còn mang lại những tác động tiêu cực như sau:

- ***Đối với nước tiến hành trợ cấp trong nước:***

Xét trên bình diện toàn bộ nền kinh tế, trợ cấp ngăn cản sự phân bổ tối ưu hiệu quả các nguồn lực quốc gia. Trợ cấp cho một hoặc một số ngành nhất định sẽ hạn chế khả năng được nhà nước hỗ trợ của các ngành, đối tượng khác vì ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội có giới hạn. Việc chính phủ quyết định hỗ trợ cho ngành sản xuất trong nước “thay thuế nhập khẩu” có thể dẫn tới xu hướng vốn đầu tư và nguồn lực trong xã hội đổ xô vào ngành đó. Thậm chí ngay cả nguồn lực trong các ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu có thể bị thu hút chuyển sang phục vụ ngành sản xuất nội địa. Về lâu dài, tình trạng này dẫn đến cung vượt cầu trên thị trường. Hậu quả tất yếu là hàng loạt doanh nghiệp không đủ năng lực cạnh tranh bị thua lỗ và đào thải. Nền kinh tế-xã hội bị tổn thất, đồng thời mục đích mong muốn của việc trợ cấp cũng không đạt được.

Trợ cấp cho một ngành sản xuất nhất định cũng có thể tạo ra gánh nặng cho những ngành khác. Chi phí cho các yếu tố sản xuất của các ngành khác (vốn đã chịu sự bất lợi về mặt chiến lược) sẽ bị tăng lên khi ngành sản xuất được trợ cấp ngày một phát triển với quy mô, sản lượng sản xuất ngày một tăng và thu hút các chi phí sản xuất nội địa cao sẽ gia tăng vì sản xuất trong nước đã trở nên kém cạnh tranh. Như vậy, ưu đãi dành cho một hoặc một nhóm nhà sản xuất này lại có ảnh hưởng giống như một khoản thuế đánh lên những nhà sản xuất khác. Lợi ích thu được nhờ việc hỗ trợ một ngành nhất định không chắc sẽ bù đắp cho tổn thất mà những ngành khác phải gánh chịu.

Về phía chính phủ, trợ cấp trong mọi trường hợp đều có ảnh hưởng bất lợi cho ngân sách nhà nước, cho dù ảnh hưởng bất lợi đó thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, có thể kê khai được hay không kê khai được thành một khoản chi ngân sách cụ thể.

- ***Đối với các nước khác:***

Trợ cấp trong nước của nước này có thể gây tổn hại đến lợi ích xuất khẩu của nước khác. Nếu trợ cấp của một nước giúp bảo vệ hoặc nâng cao sức cạnh tranh của ngành sản xuất trong nước thì hiển nhiên gây bất lợi cho nước khác như ngăn cản nhập khẩu sản phẩm tương tự từ các nước khác vào thị trường nước áp dụng trợ cấp, làm vô hiệu hóa hoặc làm giảm tác dụng các cam kết ràng buộc thuế quan của nước trợ cấp. Tác động bất lợi đối với sản phẩm của một nước xuất khẩu vào thị trường nước tiến hành trợ cấp sản xuất trong nước tồn tại khi:

- Sản phẩm nhập khẩu bị hạn chế hoặc đẩy lùi (mất thị phần) trên thị trường nước nhập khẩu (nước trợ cấp). Biểu hiện cụ thể của tình trạng này là sự thay đổi thị phần theo hướng bất lợi cho sản phẩm nhập khẩu cạnh tranh không được trợ cấp như: có sự gia tăng thị phần của sản phẩm được trợ cấp; thị phần của sản phẩm được trợ cấp vẫn giữ nguyên không đổi, trong khi nếu không có trợ cấp thì thị phần này chắc chắn sẽ suy giảm; thị phần của sản phẩm được trợ cấp bị thu hẹp nhưng với tốc độ giảm chậm hơn so với trường hợp không được trợ cấp.

- Giá của sản phẩm nhập khẩu cạnh tranh tại thị trường nước nhập khẩu (nước trợ cấp) bị “làm đắt lên một cách tương đối” so với giá của sản phẩm được trợ cấp, vì giá của sản phẩm trong nước nhập khẩu trước cắt giảm so với trước nhờ có khoản trợ cấp của chính phủ trong khi giá của sản phẩm nhập khẩu gần như không đổi.

- Lợi ích mà nước xuất khẩu trông đợi được hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ cam kết ràng buộc thuế quan của nước nhập khẩu trong khuôn khổ WTO bị vô hiệu hoá hoặc bị suy giảm. Chẳng hạn như nước nhập khẩu cam kết ràng buộc thuế quan ở mức 10% với sản phẩm màn hình máy tính. Với mức thuế nhập khẩu này, nước xuất khẩu màn hình máy tính có thể trông đợi mỗi năm sẽ xuất khẩu được 200.000 sản phẩm vào thị trường nước nhập khẩu. Nếu nước nhập khẩu áp dụng trợ cấp với sản phẩm màn hình sản xuất nội địa, dù thuế nhập khẩu không thay đổi nhưng lượng sản phẩm nhà nước xuất khẩu có thể xuất vào thị trường nước nhập khẩu (nước trợ cấp) khi đó sẽ không đạt mức trông đợi bình thường là 200.000 sản phẩm như trước nữa do nước nhập khẩu tiến hành bảo hộ sản xuất nội địa. Trong trường hợp này, lợi ích mà nước xuất khẩu đáng ra được hưởng từ cam kết ràng buộc thuế

quan của nước nhập khẩu đã bị trợ cấp của nước nhập khẩu không chỉ làm mất tác dụng mà còn bị suy giảm.

1.2.2 Trợ cấp xuất khẩu:

1.2.2.1 Tác động thuận lợi:

Các nước áp dụng trợ cấp xuất khẩu để đảm bảo công ăn việc làm, hay để hỗ trợ vùng khó khăn, v.v... Ngoài ra, trợ cấp xuất khẩu nhằm mục đích đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện lợi thế cạnh tranh xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu, v.v... Trợ cấp xuất khẩu có thể được tiến hành dưới nhiều hình thức, từ thưởng theo kim ngạch xuất khẩu đến cho vay với lãi suất ưu đãi đối với hàng xuất khẩu hay áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với ngành nghề xuất khẩu, v.v....

1.2.2.2 Tác động không thuận lợi:

Tác động tổng thể của trợ cấp xuất khẩu đối với nước trợ cấp không phải lúc nào cũng tích cực. Bản chất của trợ cấp là làm lợi cho một đối tượng nhất định cũng đồng nghĩa với việc làm giảm lợi ích hoặc gây tổn hại đến lợi ích của đối tượng khác. Do vậy, trong khi các nhà xuất khẩu có thể gia tăng xuất khẩu hàng hoá thì người tiêu dùng trong nước phải chấp nhận mua cùng loại hàng hoá đó tại thị trường nội địa với giá cao và lượng hàng hóa tiêu thụ tại thị trường trong nước cũng bị giảm sút.

Nhiều trường hợp, lợi ích do tăng xuất khẩu khi tiến hành trợ cấp xuất khẩu thậm chí còn không đủ để bù đắp cho những tổn phí liên quan đến trợ cấp của Nhà nước. Về khía cạnh kinh tế, trong những trường hợp như vậy, rõ ràng trợ cấp là một chính sách phi kinh tế của nước xuất khẩu, vừa thiệt hại cho ngân sách lại vừa không đạt được mục tiêu mong muốn.

Hơn nữa, nhiều nhà kinh tế cho rằng để thực hiện mục tiêu tăng xuất khẩu, cần chú trọng đầu tư hỗ trợ từ gốc, tức là nâng cao sức cạnh tranh của tự thân hàng hóa bằng chất lượng, v.v... hơn là hỗ trợ “ngọn” theo kiểu trợ cấp xuất khẩu. Trợ cấp xuất khẩu chắc chắn không phải là một biện pháp chính sách mang lợi ích bền vững. Trên thực tế, các nước hầu như không thể theo đuổi trợ cấp xuất khẩu lâu dài

vì ngân sách hạn hẹp của chính phủ không thể kham nổi các khoản chi (cũng như bỏ qua những khoản đáng ra phải thu) mang tính dài hạn.

Dưới góc độ tác động xã hội, trợ cấp xuất khẩu có thể kéo theo nhiều hiện tượng như khai khống, khai man lượng xuất khẩu hoặc cố tình quay vòng lô hàng xuất khẩu để được hưởng trợ cấp, tạo cơ hội cho hoạt động vận động phát triển khi trợ cấp mang tính phân biệt đối xử, tức là chỉ dành cho một hoặc một số đối tượng, sản phẩm hay địa phương nhất định.

Ngoài ra, các trợ cấp xuất khẩu được sử dụng như một phần của chính sách “làm nghèo hàng xóm”, bóp méo hoạt động thương mại cuối cùng có thể gây ra hành động trả thù của nước láng giềng và dẫn tới “chiến tranh trợ cấp”. Bởi vì, trợ cấp xuất khẩu của một nước làm cho hàng xuất khẩu của nước đó sang nước khác (nước nhập khẩu) có lợi thế cạnh tranh hơn. Ngành sản xuất sản phẩm tương tự với sản phẩm nhập khẩu được trợ cấp sẽ gặp khó khăn do bị tăng áp lực cạnh tranh, thậm chí có thể bị thiệt hại vật chất hoặc có nguy cơ bị thiệt hại vật chất. Trợ cấp xuất khẩu còn ngăn cản hàng xuất khẩu của các nước khác vào thị trường này. Hơn nữa, với lợi thế cạnh tranh “thiếu công bằng” nhờ trợ cấp, chẳng hạn có thể chủ động cắt giảm giá xuống mức rất thấp, hàng xuất khẩu của nước trợ cấp có thể đẩy lùi các nước cạnh tranh trên thị trường nước khác và chiếm được “thị phần vượt mức hợp lý trong thương mại xuất khẩu thế giới” khiến cho lợi ích thương mại của các nước xuất khẩu cạnh tranh khác bị tổn hại. Hậu quả dễ thấy do trợ cấp xuất khẩu của một nước là gây tổn hại để ngành sản xuất sản phẩm tương tự của không chỉ nước nhập khẩu sản phẩm được trợ cấp mà cả nước xuất khẩu sản phẩm cạnh tranh với sản phẩm được trợ cấp trên thị trường nước nhập khẩu.

Như vậy, sử dụng biện pháp trợ cấp xuất khẩu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới thương mại của các mặt hàng liên quan và ảnh hưởng tới thương mại thế giới. Do vậy, việc sử dụng trợ cấp xuất khẩu không hợp lý dễ bị các nước áp dụng các biện pháp đối kháng.

1.3 CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XUẤT KHẨU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC

1.3.1 MỸ:

Mặc dù hàng nông sản của Mỹ cũng có sức cạnh tranh rất lớn cả về chất lượng cũng như giá cả sản phẩm nhưng Mỹ vẫn áp dụng nhiều biện pháp trợ cấp cho ngành nông nghiệp nhằm duy trì sản lượng trước sự cạnh tranh của hàng nông sản trên thị trường quốc tế và trong nước đặc biệt là từ EU. Theo thống kê của OECD cho thấy, Mỹ đứng thứ 2 trên thế giới về trợ cấp nông sản. Mặc dù trợ cấp nhiều như vậy song Mỹ không vi phạm quy định của WTO. Đây chính là lý do để em tìm hiểu các biện pháp của Mỹ để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Qua tham khảo một số tài liệu cho thấy, hầu hết các khoản trợ cấp nông sản xuất khẩu của Mỹ chủ yếu dưới hình thức hỗ trợ trong nước. Hơn nữa, Mỹ cung cấp các khoản tiền trợ cấp trực tiếp đến cho nông dân và tùy thuộc vào diện tích canh tác của từng hộ nông dân. Những khoản trợ cấp của Mỹ cho nông dân không nhằm mục đích tăng sản lượng do đó không làm tăng cung và không kéo giá thế giới xuống. Do vậy, mặc dù Mỹ đã trợ cấp rất nhiều cho nông dân của họ nhưng không ảnh hưởng gì đến thương mại thế giới.

Một số biện pháp trợ cấp Mỹ đã sử dụng nhằm tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Mỹ:

▪ **Trợ giá:** chính phủ thực hiện biện pháp này nhằm ngăn chặn giá nông sản trượt giá với biên độ lớn nhằm ổn định thu nhập của các chủ trang trại. Đạo luật nông nghiệp mới của Mỹ đã quy định như sau:

- Tăng trợ cấp cho những người trồng ngũ cốc và bông;
- Trợ cấp trở lại cho những nhà sản xuất lông cừu, mật ong,...
- Bắt đầu trợ cấp cho những nhà sản xuất sữa bò và lạc.

▪ **Mở rộng thị trường xuất khẩu:**

Một trong những chương trình trợ cấp xuất khẩu quan trọng ở Mỹ là Chương trình tăng cường xuất khẩu (EEP – Export Enhancement Program). Theo chương trình này, các nhà sản xuất Mỹ sẽ nhận được trợ cấp bằng tiền mặt. Mục đích của chương trình này là nhằm giúp giới nông dân của Mỹ cạnh tranh với sản phẩm nông nghiệp từ các nước có trợ cấp khác, đặc biệt là liên minh Châu Âu, trên các thị trường mục tiêu. Hàng hóa được trợ cấp theo sáng kiến EEP là lúa mì, bột mì, bột làm bánh, gạo, gia cầm đông lạnh, thịt heo đông lạnh, lúa mạch, mạch nha, trứng, và dầu thực vật. Tiêu biểu của chương trình đẩy mạnh xuất khẩu EEP là chương trình xuất khẩu gạo của Mỹ được thực hiện bằng cách viện trợ lương thực và đảm bảo tín dụng.

Ngoài ra, “Chương trình đảm bảo xuất khẩu- Export Guarantee Program –EGP” cũng nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Mỹ với nông sản các nước khác. Chương trình này cung cấp khoản vay đảm bảo của Chính phủ đối với các khoản vay ngân hàng tư nhân ở mức lãi suất thị trường. Theo “Chương trình cho vay Marketing – Marketing Loan Program”, nông dân Mỹ có thể trả các khoản vay với mức lãi suất giữa mức lãi suất thị trường và mức lãi suất cho vay ban đầu. Mức chênh lệch này sẽ do Chính phủ trả, nông dân Mỹ có thể nhận khoản trợ cấp này thông qua hệ thống thanh toán các khoản vay không có hiệu quả do xuất khẩu.

1.3.2 TRUNG QUỐC:

Trung Quốc không những là nước láng giềng của Việt Nam mà còn là nước có phong tục, tập quán đời sống cũng như sản xuất giống với Việt Nam. Ngoài ra, Trung Quốc cũng là nước chiếm thị phần xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. do vậy, nghiên cứu những chính sách trợ cấp xuất khẩu nông sản của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO sẽ phần nào đem lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam.

*** Về trợ cấp xuất khẩu:**

Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc cho rằng trợ giá xuất khẩu là rất cần thiết để đưa ra giá cạnh tranh cho xuất khẩu nông sản. Ví dụ như do dư thừa sản xuất ngô nên giá cả sản xuất cao hơn giá quốc tế, nên Trung Quốc đã trợ cấp xuất khẩu cho mặt hàng này. Theo số liệu thu thập được thì vào tháng 6/2002 giá bán si ngô ở vùng sản xuất ngô hàng đầu của Trung Quốc là 116 USD/tấn. Giá ngô thế giới vào thời điểm đó khoảng 93 USD/tấn. Tuy nhiên giá ngô của Trung Quốc xuất sang Hàn Quốc là vào khoảng 95-105 USD/tấn vào năm 2002, thấp hơn so với giá xuất kho ở những vùng sản xuất ngô của Trung Quốc.

Như vậy, Trung Quốc đã trợ giá trực tiếp cho xuất khẩu ngô. Khung giá trợ cấp cao vào mức 46 USD/tấn vào 2001 và 44 USD/tấn năm 1999.

Tuy nhiên, khi đã trở thành thành viên gia nhập WTO, Trung Quốc báo cáo đã cắt bỏ trợ giá trực tiếp cho xuất khẩu đúng như cam kết khi trở thành thành viên WTO. Việc trợ giá trực tiếp của Trung Quốc được thay thế bằng các phương pháp khác để đạt mục tiêu trợ giúp xuất khẩu nông sản. Chẳng hạn như: Trung Quốc thay thế trợ giá xuất khẩu ngô bằng các phương pháp như: trợ cấp các chi phí ở cảng, dỡ bỏ thuế VAT cho xuất khẩu ngô. Trung Quốc đã áp dụng phương pháp miễn thuế và thay đổi mức thuế cho từng trường hợp như là một chính sách để khuyến khích xuất khẩu và sản xuất một số sản phẩm nhất định. Cơ chế đánh thuế VAT cũng không khuyến khích nhập khẩu bằng cách làm cho các sản phẩm nhập khẩu có giá cao hơn sản phẩm nội địa. Chính sách trả lại VAT đã chi cho các nhà xuất khẩu lương thực của Trung Quốc có thể thích hợp với các luật lệ của WTO nếu số tiền trả lại không lớn hơn số thuế phải đóng.

*** Về hỗ trợ trong nước:**

Trước khi gia nhập WTO:

- Chính sách nông nghiệp của Trung Quốc coi trọng việc sản xuất và lưu thông những mặt hàng có khối lượng lớn như bông và lương thực. Vì vậy, Trung Quốc sử dụng chính sách trợ giá – là biện pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu này. Từ năm 1996 đến 2000, Trung Quốc đã chi tổng cộng 82.079 triệu nhân dân tệ cho

trợ giá hàng hóa nông nghiệp chính và trợ giá dự trữ lương thực quốc gia, chiếm tỷ lệ cao so với các biện pháp khác. Trợ cấp về giá đối với các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu bao gồm trợ cấp phân bón, thuốc trừ sâu, điện, phim agriplast và các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu khác. Mục đích của những khoản trợ cấp này là nhằm duy trì mức giá ổn định thấp của các hàng hóa nông nghiệp thiết yếu, và làm giảm chi phí sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chính sách này rất tốn kém và không hiệu quả. Sự giảm giá mạnh trên thị trường trong khoảng 1997 – 2001 làm cho chính phủ Trung Quốc bị dư lương thực mà không thể bán ra nếu không chịu lỗ đáng kể. Khối lượng lớn lương thực đã phải xuất đi với giá trợ cấp, coi như lỗ hoặc để cho xuống cấp. Hơn nữa, chính sách này không phù hợp với quy định của WTO. Theo Hiệp định AoA, các quốc gia thành viên phải giảm các chính sách có tác động làm biến dạng thương mại hoặc có ảnh hưởng lên sản xuất nhưng cùng lúc bảo vệ cho lợi ích của người nông dân.

- Các khoản trợ cấp cho khai khẩn đất hoang, khuyến khích và bảo vệ đất chăn thả gia súc, trồng rừng, kiểm soát sâu bọ và bệnh tật rừng, và trợ cấp lương thực cho tái tạo đất trồng trọt để trồng rừng giống như trợ cấp bảo vệ môi trường ở các nước tiên tiến. Đây là những chính sách thuộc “hộp xanh” của Hiệp định AoA.

Sau khi gia nhập WTO:

Trung Quốc xóa bỏ các trợ cấp không phù hợp với WTO và gia tăng các biện pháp trợ cấp thuộc “hộp xanh”- là những biện pháp trợ cấp được WTO cho phép. Chẳng hạn như: Trung Quốc xóa bỏ chính sách trợ giá lương thực và thay vào đó là các chính sách trợ giá đầu vào cho việc mua hạt giống và máy móc, tăng chi cho việc phát triển hạ tầng cơ sở ở vùng sâu vùng xa. Một số chính sách hỗ trợ trong nước phù hợp với quy định của WTO mà Trung Quốc đã sử dụng như sau:

▪ **Trợ giá cho đầu vào của nông nghiệp:**

Theo chính sách mới hạt giống và máy móc nông nghiệp cũng được trợ giá. Tiền trợ giá cho hạt giống chất lượng cao, kể cả hạt giống đậu nành, ngô chuyên dụng, lúa mì, các giống lúa chất lượng cao được trả cho các công ty cung cấp giống, để họ có thể trợ giá cho nông dân. Theo báo cáo của Nhân Dân Nhật báo trong

tháng 8/2004, khoảng 1,6 tỷ tệ (193 triệu USD) đã được chi trả để phát triển giống cây trồng từ tháng 8/2003.

Trung Quốc còn chi thêm 40 triệu tệ (5 triệu USD) để trợ cấp cho một số hộ nông dân mua máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp ở những vùng trọng điểm sản xuất lương thực lớn. Tiền trợ cấp có thể giảm tới 30% giá thiết bị. Người nông dân trả theo giá được trợ giúp. Người bán máy sẽ nhận phần chênh lệch còn lại ở đại diện phụ trách cơ giới hóa của chính quyền tỉnh.

▪ **Đầu tư vào hạ tầng cơ sở ở nông thôn đang tăng lên:**

Trung Quốc cũng làm mọi việc để cải thiện đời sống cho người nông dân bằng cách tăng đầu tư vào các hạng mục liên quan đến nông nghiệp. Dự án dồn tiền vào các hạng mục như hệ thống thủy lợi, đường nông thôn, các cơ sở sản xuất nông cụ, các nhà máy thủy điện, các cơ sở chăn nuôi, các nghiên cứu khoa học, các khu chế xuất công nghệ cao dùng cho nông nghiệp. Bộ Tài nguyên nước công bố đã đầu tư 58 tỷ tệ (7 tỷ USD) vào các hệ thống thủy lợi trong 8 tháng từ 9/2003 đến 5/2004, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước. Theo Nhân dân nhật báo, thông qua các nghiên cứu cho thấy loại đầu tư này là quan trọng nhất cho sự tăng trưởng sản lượng nông nghiệp Trung Quốc.

▪ **Thêm nhiều khoản cho nông dân vay:**

Trung Quốc cũng giúp đỡ nông dân đầu tư bằng cách tặng tiền cho các hộ nông dân vay qua hệ thống hợp tác xã nông thôn rộng lớn. Nông dân dùng các khoản vay này để mua nguyên liệu hoặc đầu tư ngắn hạn như đào giếng nước, mua đồ sinh hoạt, phân bón, dựng nhà kính... Các ngân hàng nhà nước còn có chính sách cho các công ty chế biến sản phẩm nông nghiệp của chính quyền địa phương có đủ điều kiện về quy mô, công nghệ, trang thiết bị vay vốn. Các công ty này được ưu đãi về điều kiện vay vốn với kỳ vọng rằng họ sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiêu thụ sản phẩm của nông dân. Ngân hàng phát triển nông nghiệp Trung Quốc (ADBC), Ngân hàng nông nghiệp Trung Quốc cũng cho các công ty trên vay ưu đãi.

1.5.3 Bài học rút ra đối với Việt Nam:

- Bãi bỏ các chính sách trợ cấp đầu ra như trợ giá xuất khẩu. Tăng cường các trợ cấp đầu vào cho sản xuất nông sản xuất khẩu. Đây là những trợ cấp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất, chẳng hạn như đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông nghiệp, trợ giá cho việc mua giống cây trồng, vật nuôi; máy móc, thiết bị nhằm phục vụ cơ việc sản xuất.
- Bằng mọi biện pháp để thực hiện các chính sách trợ cấp trực tiếp cho người sản xuất (người nông dân) từ việc mở rộng cung cấp các khoản vay cho nông dân (vay tiêu dùng sinh hoạt, vay đầu tư vào quy mô sản xuất, chế biến sản phẩm,...) cho đến việc hỗ trợ bằng tiền cho nông dân nhằm giảm giá thành mua máy móc, nguyên vật liệu sản xuất.
- Duy trì trợ cấp vào những mặt hàng có năng lực cạnh tranh cao. Chọn một số mặt hàng có khả năng cạnh tranh để trợ cấp nhằm phát triển những ngành hàng đó trong tương lai.
- Áp dụng triệt để các biện pháp trợ cấp được phép do WTO quy định. Tăng ngân sách trợ cấp để đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp.
- Cần nghiên cứu kỹ chính sách trợ cấp nông nghiệp của Trung Quốc để áp dụng vào Việt Nam bởi vì Trung Quốc là một quốc gia có kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp lớn. Hơn nữa, Việt Nam giáp với Trung Quốc cho nên các phong tục, tập quán về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp tương đối giống nhau.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I:

Qua chương này, với những giới thiệu sơ nét về khái niệm trợ cấp, trợ cấp xuất khẩu, các loại trợ cấp và những quy định của WTO về trợ cấp đã phần nào cũng cho chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề trợ cấp. Đồng thời, cùng với sự nghiên cứu về xu hướng trợ cấp của thế giới và bài học kinh nghiệm đối với qua tìm hiểu các biện pháp trợ cấp của hai nước lớn là Mỹ và Trung Quốc là cơ sở để đánh giá sự phù hợp các biện pháp trợ cấp Việt Nam ở chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP CHO CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN VIỆT NAM

2.1 NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG SẢN VIỆT NAM

2.1.1 Những thành tựu của nông nghiệp và nông sản:

Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế có vai trò quan trọng và đã có bước phát triển vượt bậc trong thời gian qua. Nông nghiệp Việt Nam phát triển toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp ổn định 4-5%/năm, trong đó lương thực tăng 5%. Nông nghiệp nước ta đã đáp ứng cơ bản nhu cầu lương thực và thực phẩm trong nước, an ninh lương thực đảm bảo, đã hình thành những vùng sản xuất nông sản hàng hóa qui mô tương đối lớn, tỷ suất hàng hóa tăng nhanh. Cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp và nông thôn được tăng cường, công nghiệp chế biến nông lâm sản tăng 12 - 14%. Hệ thống đê và các công trình phòng chống thiên tai được tăng cường. Đời sống của các tầng lớp dân cư nông thôn được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân hàng năm tăng đáng kể. Kinh tế trang trại phát triển nhanh ở tất cả các vùng đã mang lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế, xã hội và môi trường.

Ngoài việc đáp ứng về cơ bản nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày một tăng với 85 triệu dân, nông sản Việt Nam còn đem lại kim ngạch xuất khẩu rất lớn. Xuất khẩu nông sản chiếm khoảng một nửa kim ngạch xuất khẩu của nước ta, tốc độ kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng tg bình 15%/năm. Hiện tại, Việt Nam đang là một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trong khu vực và thế giới với nhiều sản phẩm đặc trưng như cà phê, điều, hồ tiêu, chè, gạo.

Bảng 2.1: Kim ngạch xuất khẩu theo mặt hàng*ĐVT: Triệu USD*

Mặt hàng	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	6 tháng 2007
Gạo	667	623	726	718	941	1399	1306	731
Cà phê	0.757	393	328	509	594	725	1101	1216
Cao su	166	166	272	379	579	787	1273	527
Hạt tiêu	146	91	110	105	150	152	190	142
Hạt điều	167	106	171	278	425	486	505	255
Chè	45	78	84	58	93	100	111	44

Nguồn: Bộ Thương mại

Gạo là nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, năm 2005, xuất khẩu được 5,2 triệu tấn, đạt kim ngạch gần 1,4 tỷ USD. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, năm 2006, xuất khẩu gạo được giá, bình quân 259 USD/ tấn, tăng 8 USD/tấn so với những năm trước, đạt kim ngạch 1,3 tỷ USD. Sau 17 năm tham gia thị trường thế giới, phẩm cấp và giá gạo nước ta có tiến bộ rõ rệt.

Sau gạo là cao su. Năm 2005, cả nước xuất khẩu được 587.000 tấn, đạt kim ngạch 787 triệu USD. Năm 2006, cao su luôn đứng đầu bảng về tốc độ tăng trưởng, xuất khẩu khoảng 822.000 tấn, tăng hơn năm ngoái 235.000 tấn, đạt kim ngạch 1,27 tỷ USD.

Sau bao năm ảm đạm, người trồng cà phê Tây Nguyên lại bước vào một mùa náo nức. Năm 2005, nước ta xuất khẩu được 803.647 tấn cà phê, với giá 789,2 USD/tấn, đạt kim ngạch 725 triệu USD. Năm 2006, kim ngạch xuất khẩu cà phê đã vượt lên con số 1 tỷ USD.

Như vậy, năm 2006, về mặt hàng xuất khẩu, có thêm cao su và cà phê đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD nâng tổng số các mặt hàng có kim ngạch trên 1 tỷ USD là 9, trong đó, xuất khẩu nông sản chiếm 4 là gạo, cà phê, cao su và sản phẩm gỗ.

2.1.2 Những hạn chế của nông nghiệp và nông sản:

Bên cạnh những thành tựu, ngành nông nghiệp nước ta vẫn còn những tồn tại sau:

- Sản xuất nông nghiệp ở nước ta về cơ bản vẫn là sản xuất thủ công truyền thống, nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành sản phẩm cao, khả năng cạnh tranh trên thị trường yếu.

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy đã được tăng cường nhưng còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Đầu tư nông nghiệp những năm qua tập trung cho thủy lợi, nhưng chủ yếu phục vụ trồng lúa. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc còn rất thiếu và yếu. Đặc biệt cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại như chợ, cửa hàng, bến bãi, đường sá và phương tiện vận tải phục vụ buôn bán rất thiếu.

- Tổ chức sản xuất, chính sách, cơ chế nhằm gắn kết các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản, thúc đẩy chuyển đổi ngành nông nghiệp theo hướng thương phẩm hóa, chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa đồng bộ và còn thiếu nhiều. ở nhiều vùng, nhiều ngành hàng thậm chí còn chia cắt sâu sắc giữa các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Các giống cây, con mới nhập vào nước ta bán rất đắt, bà con lại không thể tùy tiện nhân giống vì vấn đề bản quyền là những trở ngại lớn của ngành nông nghiệp. Các nhà sản xuất vẫn còn sử dụng thuốc trừ sâu, chất kích thích... bị cấm sử dụng hoặc hàm lượng chất đó quá cao so với qui định, thời gian sử dụng thuốc đến khi thu hoạch không đảm bảo an toàn, không tuân thủ những qui định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đây chính là điểm yếu của các mặt hàng nông nghiệp của chúng ta.

- Về nông sản, khả năng chuyển từ sản xuất thô lên chế biến của các doanh nghiệp nội địa có thương hiệu riêng, tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm đang là một quá trình chậm chạp, khó khăn. Nhiều mặt hàng nông sản của ta hiện nay giá cao hơn nước ngoài, chất lượng không bảo đảm.

- Mặc dù đã đạt được những tiến bộ rõ rệt, song các sản phẩm nông sản của Việt Nam vẫn không có thương hiệu trên thương trường quốc tế. Cũng do chạy theo số lượng, bán hàng thô là chính. Chẳng hạn như cà phê Robusta xuất khẩu của Việt

Nam đứng thứ 2 thế giới về số lượng, nhưng lại đứng thứ 5 về kim ngạch. Năm 2006, tăng trưởng về kim ngạch chủ yếu nhờ giá cà phê thế giới tăng cao, còn sự gia tăng về chất lượng mang lại rất ít, thậm chí ngược lại. Trong một cuộc hội thảo về: "Nâng cao chất lượng cà phê Tây Nguyên", Hiệp hội Cà phê & ca cao Việt Nam đã đưa ra con số cảnh báo "nóng" về sự suy thoái chất lượng. Hàng năm, lượng cà phê kém chất lượng (dưới loại 3, 4) của nước ta bị loại bỏ ở thị trường LIFFE chiếm tỷ trọng cao trên thế giới.

- Công tác tiếp thị, nghiên cứu thị trường, thông tin thị trường nông sản trong nước và thế giới chưa được quan tâm đầu tư đúng mức dẫn đến tình trạng kim hãm sản xuất, gây tổn thất cho nông dân.

2.2 THỰC TRẠNG VỀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA NHỮNG MẶT HÀNG NÔNG SẢN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

2.2.1 Cơ hội:

Việt Nam là nước rất đặc biệt, đất chật, người đông. Ở Australia thì một hộ của họ có đến 200 ha. Còn bình quân đất canh tác Việt Nam chỉ có 0,3 ha/hộ. Nhưng, Việt Nam lại có nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu được xếp hạng trên thế giới. Đây là một sự thật: gạo (có lúc xếp thứ 2, có lúc thứ 3 thế giới); cà phê (đứng thứ 2 thế giới), tiêu (số 1 thế giới), điều (số 2 thế giới), chè chúng ta có sản lượng đứng thứ 8 thế giới. Cho nên, nhiều nước Mỹ la-tinh cho rằng, Việt Nam có mặt hàng nông sản tràn ngập thị trường thế giới, làm cho các nước Mỹ la-tinh gặp khó khăn, nhất là cà phê. Trước đây, giá cà phê rất cao, bây giờ chỉ còn hơn 1.000 USD/tấn, trong đó có sự tham gia của Việt Nam và nhiều nước khác. Trong bối cảnh đó, ngành nông nghiệp có thêm nhiều cơ hội phát triển.

Việc gia nhập WTO vừa mang đến cho nông nghiệp Việt Nam triển vọng về một sân chơi khổng lồ, với hơn 5 tỉ người tiêu thụ, chiếm 95% GDP, 95% giá trị thương mại thế giới và một kim ngạch nhập khẩu trị giá 635 tỉ đô la Mỹ/năm vừa mang đến những quyền lợi và điều kiện bình đẳng như các nước khác trong tổ chức

này. Đây là cơ hội lớn cho các sản phẩm hàng hóa nông lâm sản của Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế và được tiếp cận thị trường hàng hoá, dịch vụ ở tất cả các nước thành viên WTO với mức thuế nhập khẩu được cắt giảm theo cam kết, không bị phân biệt đối xử. Điều này tạo điều kiện cho Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm sản trong tương lai. Hàng hóa nông lâm sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ chịu mức hàng rào thuế quan thấp nhất và nhiều hàng rào phi thuế quan sẽ được bãi bỏ. Hơn nữa, trong quá trình mở cửa hội nhập, đầu tư nước ngoài sẽ gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp, đem vào công nghệ mới, tiên tiến để thúc đẩy ngành chế biến nông sản, nhờ đó giúp mở mang những vùng đất hoang hóa, sản xuất những sản phẩm nông nghiệp độc đáo mà những công ty này đang có thị trường, đưa hàng nông sản Việt Nam ra thị trường thế giới nhiều hơn. Nông dân nghèo canh tác ở các vùng khó khăn sẽ có cơ may phát triển nhờ có những giống mới do các công ty quốc tế áp dụng công nghệ sinh học tạo ra. Việc Việt Nam gia nhập WTO mang lại những lợi ích tiềm năng như mở rộng thị trường cho những mặt hàng xuất khẩu truyền thống nông nghiệp, đồng thời chúng ta có cơ hội tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO (về lâu dài) giúp tránh được những vụ kiện vô lý như cá tra- cá ba sa giữa Việt Nam và Mỹ.

2.2.2 Thách thức:

Việc gia nhập WTO vừa mang đến cho nông nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội với thị trường xuất khẩu rộng lớn nhưng đồng thời cũng bắt buộc nông dân Việt Nam phải đối diện với nhiều khó khăn và sức ép cạnh tranh ngày càng tăng cao. Những thách thức lớn như là mức độ cạnh tranh thấp, hay phải đương đầu với trợ cấp xuất khẩu của các nước giàu.

Luật chơi WTO thị trường xuất nhập khẩu nông sản thế giới ngày nay được tổ chức rất chặt chẽ, phần lớn do các hệ thống siêu thị đa quốc gia không chế kiểm soát. Do tri thức của giới tiêu thụ ngày càng cao nên yêu cầu của siêu thị về chất lượng nông sản - vốn dựa trên yêu cầu của giới tiêu thụ của các nước lớn và giàu - ngày càng khó khăn, trở thành rào cản đối với rất nhiều nước đang phát triển vốn xem xuất khẩu nông sản là đòn bẩy để phát triển kinh tế. Việt Nam đã đi tắt đón đầu

nhờ lợi thế đi sau bằng cách du nhập, thử nghiệm, cải thiện để ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại của thế giới để xây dựng một nền khoa học kỹ thuật nông nghiệp thích hợp. Nhưng trong quá trình phát triển để hội nhập này, nông nghiệp Việt Nam đã bộc lộ những lỗ hổng lớn trong dây chuyền sản xuất, công nghệ sau thu hoạch, chất lượng mặt hàng và khâu an toàn vệ sinh, đặc biệt nhất là “tay nghề” của thành phần sản xuất chủ lực - nông dân - chưa được nâng cao ngang tầm của một nước mạnh về xuất khẩu nông sản. Nhìn chung, tính bền vững trong nông nghiệp Việt Nam đang còn bấp bênh vì nông dân chưa thật sự có trình độ để đưa chất xám vào sản xuất.

Ngoài ra, các nước càng giàu thì trợ cấp càng nhiều. Theo ước tính, trong khi cả thế giới chi khoảng 300 tỷ USD cho hoạt động trợ cấp thì riêng 21 quốc gia phát triển đã chi khoảng 250 tỷ USD. Mặc dù nhiều nước phát triển kêu gọi các nước khác cần phải loại bỏ chính sách bảo hộ trong nông nghiệp, nhưng chính các nước đó là lại là những nước vẫn đang tiếp tục bảo hộ các sản phẩm nông nghiệp của nước họ. Nước Mỹ hàng năm vẫn trợ cấp cho người trồng bông tới hơn 4 tỷ USD, khiến cho sản phẩm bông nước Mỹ tràn ngập khắp thị trường thế giới với giá rẻ hơn nhiều so với sản phẩm của các nước khác, làm cho nhiều nước trên thế giới phải rơi vào cảnh lao đao. Một loạt các nước phát triển như Anh, Pháp, Đức, Nhật... cũng đã tuyên bố cắt giảm trợ cấp nông nghiệp nhưng những cam kết vẫn chỉ là cam kết, họ vẫn đang trong tình trạng dò xét, chờ đợi lẫn nhau mà thôi. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho biết, năm 2005 các quốc gia giàu nhất thế giới đã trợ cấp nông nghiệp 225 tỷ Euro (280 tỷ USD). Bốn nước: Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm trên 90% tổng tiền trợ cấp của toàn khối (hỗ trợ cho sản xuất, dịch vụ...). Năm 2004, tổng số tiền trợ cấp nông nghiệp của EU là 150,5 tỷ USD, của Mỹ là 108,7 tỷ USD, của Nhật là 60,8 tỷ USD và Hàn Quốc là 22,5 tỷ USD. Nếu tính tỷ trọng hỗ trợ của Chính phủ trên doanh thu chung của ngành nông nghiệp, thì mức trợ cấp của EU là 32% năm 2005, trong khi tỷ lệ này ở Mỹ là 16%, Hàn Quốc 63% và Nhật Bản là 56%. Trợ cấp xuất khẩu của các nước OECD rất đa dạng, từ tính dụng cho tới bảo đảm tính dụng, các chương trình khuyến khích xuất

khẩu, hoàn vốn hàng xuất khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp quốc gia, thuế xuất khẩu ưu đãi, hạn chế nhập khẩu....Hầu hết số tiền trợ cấp này đều nhằm mục đích nâng giá các sản phẩm nông nghiệp. Mặc dù thương mại nông sản chỉ chiếm 8% thương mại toàn thế giới, song tạo nguồn thu nhập chính cho khoảng 2,5 tỷ người dân ở các nước đang phát triển. Người nông dân ở các nước nghèo khó có thể cạnh tranh được với nông dân các nước giàu như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản vốn nhận được các khoản trợ cấp xuất khẩu khổng lồ.

Tăng trưởng mậu dịch nông sản thế giới luôn bị trở ngại lớn bởi trợ cấp và bảo hộ nông sản rất cao ở những nước giàu. Không chỉ trợ cấp cho sản xuất và xuất khẩu, các nước giàu còn đặt ra những hạn chế đối với nông sản nhập khẩu, từ cấm nhập tới việc áp dụng nhiều mức thuế khác nhau. Với việc hỗ trợ và bảo vệ cho nông nghiệp ở các nước giàu đang chuyển dần từ hàng rào thuế sang hàng rào tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh và các yêu cầu về môi trường, xã hội khác, việc cạnh tranh trên thị trường đang chuyển dần từ giá cả sang chất lượng và các giá trị gia tăng. Đây là thế yếu của các nước nghèo và các nước đang phát triển, bao gồm cả Việt Nam.

2.3 THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM

Có được những thành công nói trên của nông nghiệp và nông sản Việt Nam, một mặt là nhờ đóng góp của người nông dân và các doanh nghiệp kinh doanh trong nông nghiệp, mặt khác là do có sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân, trong đó bao gồm cả những chính sách trợ cấp của Chính phủ dành cho nông nghiệp nói chung và nông sản nói riêng. Đó là các chính sách trợ cấp nông sản xuất khẩu và các chính sách hỗ trợ trong nước cho nông nghiệp như sau:

2.3.1 Các biện pháp trợ cấp xuất khẩu nông sản:

2.3.1.1 Trợ cấp đền đở:

Để mở rộng thị trường XK và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa XK của VN, khuyến khích giúp đỡ kích thích XK cho những công ty xuất nhập khẩu hàng hóa, Việt Nam đã thành lập Quỹ hỗ trợ xuất khẩu theo Quyết định 195/QĐ-TTg ngày 27/9/1999. Thông qua Quỹ này, các mặt hàng nông sản xuất khẩu được trợ cấp bằng các hình thức như sau:

- ***Khen thưởng xuất khẩu:***

- Cho các hàng hóa mới xuất khẩu hoặc mở rộng thị trường xuất khẩu; Khen thưởng do lần đầu tiên XK;

- Khen thưởng do XK hàng hóa có chất lượng cao được công nhận và chứng thực bởi những tổ chức quốc tế;

- Khen thưởng cho các doanh nghiệp XK hàng hóa chất lượng cao làm từ nguyên liệu nội địa và sử dụng nhiều nhân công trong nước như: hàng nông sản chế biến;

- Khen thưởng cho các Công ty XK nông sản có doanh thu và hiệu quả XNK cao.

Thực hiện quyết định 195/1999/QĐ-TTg, giai đoạn 2001-2002, Chính phủ thưởng xuất khẩu cho các nông sản gặp khó khăn về thị trường, giá cả thị trường xuống quá thấp. Năm 2001, Nhà nước thưởng xuất khẩu cho 4 mặt hàng: gạo, cà phê, thịt lợn, rau quả đóng hộp. Đến năm 2002, tiếp tục thưởng xuất khẩu và mở rộng cho 10 nhóm nông sản: gạo, cà phê, thịt, rau, quả, chè, lạc nhân, hạt tiêu, hạt điều, mây tre lá. Mức thưởng khác nhau tùy theo từng mặt hàng và tùy theo từng năm. Trong giai đoạn 2003-2004, thị trường nông sản thế giới tương đối ổn định, tình hình xuất khẩu nông sản bớt khó khăn. Bộ Thương mại ban hành quyết định số 1116/2003/QĐ-BTM về quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002. Các mặt hàng nông sản thuộc diện được thưởng gồm thịt, rau, chè, gạo, cà phê, lạc nhân, hạt tiêu, hạt điều, mây tre lá.

**Bảng 2.2 Trợ cấp xuất khẩu các mặt hàng nông sản Việt Nam
giai đoạn 1999-2001**

Đơn vị: tỷ đồng

	1999	2000	2001	Trung bình
Gạo	486,0	600,0	822,77	636,26
Thịt lợn	49,7	31,3	31,48	37,49
Cà phê	203,0	348,6	536,35	362,65
Rau Quả	12,0	9,9	165,00	62,30
Total	750,7	989,6	1.566,16	1.098,5

Nguồn: WTO document WT/ACC/SPEC/VNM/3/Rev.5

- **Chính sách thuế:**

Ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hàng xuất khẩu (Luật khuyến khích đầu tư trong nước). Cụ thể, Nhà nước đã thực hiện chính sách miễn giảm thuế thuế giá trị gia tăng cho hầu hết hàng hóa xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp xuất khẩu; thực hiện việc hoàn trả thuế nhập khẩu các nguyên vật liệu và máy móc đã sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản: Theo quy định hiện hành (Nghị định 164/2003/NĐ-CP) thì các cơ sở kinh doanh xuất khẩu có mức xuất khẩu đạt trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất kinh doanh của năm tài chính, được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện lĩnh vực khuyến khích đầu tư, ngoài ra còn được ưu đãi thêm về thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện về thành tích xuất khẩu, thị trường xuất khẩu. Cụ thể:

+ Các doanh nghiệp xuất khẩu được giảm 50% số thuế phải nộp khi xuất khẩu ra thị trường mới, xuất khẩu mặt hàng mới và các doanh nghiệp lần đầu tiên xuất khẩu nông sản.

+ Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản có kim ngạch xuất khẩu của năm sau cao hơn năm trước được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp.

+ Ngoài ra, Nhà nước giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản nếu: có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu hoặc duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong ba năm liên tục trước đó.

- Miễn thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu (Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng)

• **Tín dụng ngắn hạn cho xuất khẩu:**

Từ năm 2001, Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển cung cấp tín dụng ngắn hạn cho các doanh nghiệp khi có hợp đồng xuất khẩu nông sản. Danh mục mặt hàng nông sản vay vốn ngắn hạn do Chính phủ xác định theo năm hoặc theo từng thời kỳ. Ví dụ năm 2003, danh sách đó bao gồm: gạo, đậu lạc, cà phê, trà, tiêu, hạt điều qua chế biến, rau quả, đường, thịt gia súc. Lãi xuất cho vay ngắn hạn là 80% của lãi xuất tín dụng đầu tư phát triển vào thời điểm ký hợp đồng vay vốn và được giữ nguyên trong thời gian vay vốn. Thời hạn cho vay phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng XK, nhưng không vượt quá 12 tháng. Ngoài ra, các nhà XK được vay vốn XK ngắn hạn có thể còn được bảo lãnh đấu thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Bảng 2.3: Danh mục mặt hàng nông sản vay vốn tín dụng xuất khẩu qua các năm 2001-2006

Số TT	MẶT HÀNG	NĂM					
		2001	2002	2003	2004	2005	2006
1	Gạo	x	x	x	x	n/a	-
2	Cà phê	x	x	x	x	n/a	x
3	Chè	-	-	x	x	n/a	x
4	Hạt tiêu	-	x	-	x	n/a	x
5	Hạt điều chế biến	-	x	x	x	n/a	x
6	Rau quả	x	x	x	x	n/a	x
7	Đường			x	x	n/a	x
8	Lạc nhân	-	x	x	x	n/a	x
9	Thịt heo	x	x	x	x	n/a	x

Nguồn: Tổng hợp từ các Nghị định của Chính phủ

2.3.1.2 Trợ cấp đèn vàng:

Thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển, Việt Nam đã cung cấp các trợ cấp như:

- ***Hỗ trợ tỷ lệ lãi xuất:***

Các Công ty XNK nông sản có thể được hỗ trợ từng phần hoặc toàn phần lãi xuất tiền vay ngân hàng để mua nông sản với giá sàn hoặc giá thích hợp với người sản xuất theo quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ.

- ***Hỗ trợ chênh lệch lãi xuất :***

- Các Công ty XNK nông sản có thể nhận được một phần hoặc toàn bộ số tiền trợ cấp là phần chênh lệch giữa lãi xuất vay vốn ngắn hạn do NHTM quy định và lãi xuất quy định của Thủ tướng Chính phủ cho việc vay vốn để mua và bảo quản nông sản phục vụ xuất khẩu.

- Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ tiền chênh lệch lãi suất vay vốn để mua và bảo quản nông sản phục vụ XK cho các Công ty thu mua, chế biến và XK trực tiếp nông sản theo thời vụ.

- ***Trợ cấp tài chính:***

Trong những trường hợp sau đây các doanh nghiệp có thể nhận được một phần trợ cấp tài chính trong một thời hạn xác định cho những số lượng hàng XK bị chịu lỗ hoặc gặp khó khăn do tính cạnh tranh thấp hoặc rủi ro cao:

- + Hàng hóa xuất khẩu lần đầu tiên
- + Hàng hóa được xuất vào thị trường mới và chưa ổn định
- + Hàng hóa đã được mua nhưng chưa xuất được vì giá trên thị trường thế giới giảm mạnh.
- + Hàng hóa được nhà SX trực tiếp XK nhưng tạm thời bị lỗ do tính cạnh tranh thấp và mới đầu tư.

- ***Tín dụng trung và dài hạn cho xuất khẩu:*** bao gồm vốn vay trung và dài hạn, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư.

- Theo đó, các dự án với tỷ lệ dự án XK nông sản đạt 30% trở lên sẽ có thể được xét hưởng tín dụng ưu đãi vay trực tiếp từ Quỹ Trợ giúp Phát triển với lãi xuất 9%/năm và thời hạn cho vay không quá 10 năm.

- Lãi xuất ưu đãi sau đầu tư bằng 50% của lãi xuất tín dụng đầu tư phát triển (9%/năm) hoặc bằng hiệu số giữa lãi xuất cho vay của NHTM với lãi xuất tín dụng đầu tư phát triển (9%/năm).

- ***Hoãn nợ thuế hoặc miễn thuế:*** được Chính phủ thực hiện nhằm tạm thời giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục hoạt động kinh doanh. Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp vì gặp khó khăn khách quan như gặp thiên tai nên bị thua lỗ, nợ thuế, làm ảnh hưởng trực tiếp đến đến hoạt động kinh doanh thì sẽ được hoãn nợ các loại thuế và các loại phí như: thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế GTGT, thuế doanh thu, thuế lợi tức, tiền trả cho quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí sử dụng vốn từ vốn ngân sách nhà nước, khấu hao cơ bản, các phí và lệ phí phải trả cho ngân sách nhà nước, tiền phạt do nợ ngân sách nhà nước các khoản trên. Hoặc Nhà nước cũng có thể xóa các khoản nợ thuế và phí nói trên cho những doanh nghiệp không có khả năng chi trả.

2.3.1.3 Trợ cấp đèn xanh:

Thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi nằm trong Quỹ hỗ trợ phát triển theo Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước, Chính phủ đã cung cấp các trợ cấp nông sản dưới các hình thức:

- ***Cho vay đầu tư:***

Nhà nước ưu tiên vay vốn đầu tư phát triển với lãi suất 7%/năm cho các doanh nghiệp nằm trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn hoạt động sản xuất kinh doanh ở những lĩnh vực kinh tế sau:

- SX hoá chất cơ bản, phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh.
- SX các máy công cụ, và máy động cơ phục vụ nông nghiệp.
- Xây dựng các cơ sở SX chế biến: nông sản, lâm sản, hải sản và làm muối.

Tổng số vốn mà các doanh nghiệp hoạt động ở các lĩnh vực nêu được vay sẽ tuân theo quy định của Luật Khuyến khích Đầu tư (đã sửa đổi) với thời hạn vay vốn sẽ được xác định dựa trên khả năng hoàn vốn thích hợp với đặc điểm của từng quá trình SXKD của từng DN, nhưng không quá 10 năm.

- **Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư** được Nhà nước cung cấp cho những lĩnh vực kinh doanh được khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, tùy theo từng thời kỳ Chính phủ quyết định cụ thể ngành, nghề được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi). Chẳng hạn như trong giai đoạn 1999-2001, các ngành nghề ưu đãi nằm trong danh mục A của Chính phủ ban hành Nghị định 51/1999/NĐ-CP (xem phụ chương) quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) là: Chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; Các dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp: làm đất, tưới nước, tiêu úng, gieo trồng, thu hoạch, bảo vệ, bảo quản nông sản; Các loại dịch vụ về: bảo vệ cây trồng, vật nuôi; nhân và lai tạo giống mới; bảo quản nông sản, lâm sản, hải sản. Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy móc, thiết bị để sản xuất, chế biến nông sản,...

Tuy nhiên, kể từ năm 2002 đến nay, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2002/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ (xem phụ chương) quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) thay thế Nghị định 51. Theo đó các ngành nghề được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư bao gồm: Chế biến nông sản từ nguồn nguyên liệu trong nước: chế biến gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, tinh dầu, chất béo từ thực vật; sản xuất sữa lỏng và các sản phẩm chiết xuất từ sữa; sản xuất bột thô; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản xuất nước uống đóng chai, đóng hộp từ hoa quả.

Ngoài ra, Chính phủ cũng cung cấp các hình thức tín dụng như tín dụng đầu tư, lãi suất ưu đãi sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư nhằm trợ cấp phát triển ở những vùng khó khăn (không cho mặt hàng cụ thể) theo Luật Khuyến Khích Đầu tư trong nước. Theo đó, những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất máy móc công cụ nông nghiệp, chế biến sản phẩm nông nghiệp,... ở những vùng khó khăn sẽ được Nhà nước cho vay với lãi suất ưu đãi, thời gian vay dài (khoảng 12 năm) và lãi suất được giữ cố định trong suốt thời gian vay; ưu đãi đến 50% lãi suất sau đầu tư so với lãi suất quy định.

- ***Trợ cấp xúc tiến thương mại:***

Chính phủ cung cấp hình thức trợ cấp này nhằm phát triển thị trường và hoạt động xuất khẩu hay cụ thể hơn là: giúp cho các doanh nghiệp thâm nhập thị trường XK; mở rộng kiến thức và kinh nghiệm tiếp cận thị trường XK; đa dạng hóa sản phẩm XK, cải thiện cơ cấu sản phẩm, thâm nhập sâu và mở rộng thị trường XK; và phổ biến rộng rãi thông tin về hàng hóa XK của Việt Nam. Bằng hình thức này, thông qua Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sẽ được Chính phủ trợ cấp một phần chi phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại như: chi phí thu thập thông tin về thị trường XK, khách hàng và sản phẩm để làm báo cáo nghiên cứu thị trường, chi phí làm các gian hàng ở các hội chợ triển lãm quốc tế ở nước ngoài, chi phí mở các trung tâm khuyến mãi XK Việt Nam ở nước ngoài,....

Cụ thể năm 2001, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 61/2001/TT-BTC ngày 01/8/2001 về hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại. Năm 2002, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 86/2002/TT-BTC (xem phụ chương) thay thế Thông tư số 61/2001/TT-BTC hướng dẫn chi hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại theo chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia và bắt đầu triển khai từ năm 2003. Một số tổng công ty, hiệp hội ngành hàng nông nghiệp được hỗ trợ là gạo, chè, cà phê, rau quả và tiêu. Năm 2004, có 15 Hiệp hội và Tổng công ty trong ngành nông nghiệp được phê duyệt chương trình với tổng kinh phí là 86 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách hỗ trợ là 56 tỷ đồng.

Bảng 2.4: Kinh phí trợ cấp xuất khẩu một số mặt hàng nông sản của Việt Nam từ năm 1999 – 2001*DVT: Tỷ đồng*

SỐ TT	LOẠI SẢN PHẨM	CÁC BIỆN PHÁP TRỢ CẤP XUẤT KHẨU	NĂM			
			1999	2000	2001	Trung bình
1	Gạo	<i>Tổng số:</i>	486,00	600,00	822,77	636,26
		Lãi xuất ưu đãi cho các DN XK gạo	123,00	180,00	380,00	
		Lãi xuất ưu đãi cho các DN XK gạo trong trường hợp XK gạo bị chậm chi trả	30,00	100,00		
		Trợ cấp bù lỗ cho các DN XK gạo	180,00	320,00	330,00	
		Cho lãi xuất ưu đãi vay vốn ngắn hạn khi XK gạo	N/a	N/a	0,27	
		Khen thưởng xuất khẩu	N/a	N/a	112,50	
2	Thịt heo	<i>Tổng số</i>	49,70	31,30	31,48	37,49
		Trợ cấp bù lỗ cho các DN XK thịt heo	49,70	31,30		
		Khen thưởng xuất khẩu			26,10	
		Cho lãi xuất ưu đãi vay vốn ngắn hạn khi XK thịt heo			0,07	
		Trợ cấp cho DN XK đến một số thị trường đặc biệt			5,31	
3	Cà phê	<i>Tổng số</i>	203,00	348,60	536,35	362,65
		Chi trả lại phí XK, trợ cấp bù lỗ các DN XK thu mua tạm trữ cà phê	53,00	147,00		
		Trợ cấp bù lỗ cho các DN XK cà phê	150,00	180,00	350,00	
		Trợ cấp lãi xuất ưu đãi vay vốn cho các DN XK thu mua tạm trữ cà phê trong một thời gian nhất định		21,60	100,00	
		Khen thưởng xuất khẩu			86,24	
		Trợ cấp lãi xuất ưu đãi vay vốn ngắn hạn khi XK cà phê.			0,11	
4	Rau quả	<i>Tổng số</i>	12,00	9,90	165,00	62,30
		Hỗ trợ tài chính cho XK rau quả như dưa đóng hộp, bắp,... đi Nga, Mỹ và các thị trường khác.	12,00	9,90	16,50	
		Khen thưởng XK			148,50	
		TỔNG CỘNG				1.061,21

Nguồn: WTO document WT/ACC/SPEC/VNM/3/Rev.7

2.3.2 Các biện pháp hỗ trợ trong nước:

2.3.2.1 Hộp xanh lá cây:

Chính Phủ Việt Nam chủ yếu chi ngân sách cho nông nghiệp thông qua các biện pháp hộp Xanh lá cây, đó là:

- **Dịch vụ chung:** bao gồm:

- Nghiên cứu nông nghiệp: Mỗi năm, Chính Phủ chi khoảng 260-300 tỷ đồng cho nghiên cứu nông nghiệp, một nửa trong số này chi thông qua các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp. Các chương trình nghiên cứu nông nghiệp về giống kỹ thuật nông nghiệp, phương pháp công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp, khoa học thổ nhưỡng, hóa nông, di truyền học, bảo vệ động thực vật, thủy lợi học, v.v...

- Đào tạo: Chính Phủ chi khoảng 120-140 tỷ đồng cho đào tạo trong ngành nông nghiệp. trong các lĩnh vực như: Trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, cơ khí nông nghiệp, trồng rừng, chế biến thực phẩm, kế toán nông nghiệp, v.v....

- Khuyến nông: mạng lưới phủ toàn quốc các tư vấn viên được thành lập theo Nghị định số 13/Chính Phủ ngày 2/3/1993 để tiến hành các dịch vụ khuyến nông..Hoạt động và các chi phí của mạng lưới này được chi trả từ tiền ngân sách nhà nước theo các mức độ khác nhau.Chức năng chủ yếu của hệ thống này là cung cấp cho nông dân và các Doanh nghiệp Sản xuất các dịch vụ tư vấn miễn phí liên quan tới kỹ thuật nông nghiệp , công nghệ Sản xuất nông nghiệp,...Chi cho công tác khuyến nông đã tăng nhanh chóng trong những năm qua ở mức khoảng 80 tỷ đồng/năm.

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp: Hàng năm, Chính Phủ đầu tư khoảng 3.000 tỷ đồng cho việc xây dựng bảo dưỡng, cải tạo, sử dụng các công trình trữ nước, các công trình thủy lợi, tưới tiêu, đập hệ thống đê điều.

- Công tác thú y và bảo vệ thực vật để phòng và chống dịch bệnh: Hệ thống các đại lý thú y và bảo vệ thực vật trong ngành nông nghiệp bao gồm Cục kiểm dịch thú y quốc gia, Cục Bảo vệ thực vật quốc gia, và các chi nhánh của các cơ quan này trên khắp 61 tỉnh thành trên toàn quốc. Các đại lý này có chức năng chủ yếu bao gồm giám sát, kiểm soát dịch bệnh (thông báo, báo động, bảo vệ, ngăn ngừa, loại trừ) phát triển các chương trình thường xuyên, kiểm dịch, theo dõi, kiểm tra thú y và độc tố thực vật tại các cửa khẩu cũng như trên toàn lãnh thổ (loại trừ các dịch vụ có tiền khi kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu).

- **Mục đích dự trữ lương thực quốc gia:**

Nhà nước chi cho các hoạt động liên quan đến dự trữ, lưu kho và bảo quản các sản phẩm nông sản và thực phẩm nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Các sản phẩm này bao gồm: gạo (khoảng 500.000 tấn/năm), bảo quản một số giống ngô, rau, thuốc thú y, thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng có hại....

- **Trợ cấp lương thực:**

Cung cấp thức ăn cho người nghèo ở khu vực miền núi và vùng sâu vùng xa hoặc những nơi gặp khó khăn do thiên tai gây ra để khắc phục nạn đói.

- **Trợ cấp thu nhập cho người có thu nhập dưới mức tối thiểu do Nhà nước quy định:**

Trong giai đoạn 2 năm 1999-2000, ngân sách Nhà nước đã chi trợ cấp cho một số hộ nông dân có thu nhập thấp hơn mức chuẩn của Bộ Lao Động-Thương binh-Xã hội đề ra tính theo kilôgam thóc/tháng. Tuy nhiên, từ năm 2001, mức chuẩn đói nghèo được Bộ Lao Động-Thương binh-Xã hội xác định bằng thu nhập bình quân tính theo tháng hoặc năm.

- **Chi trả cho công tác khắc phục hậu quả do thiên tai:**

Để giúp người nông dân khắc phục hậu quả do thiên tai, cho những khoản hỗ trợ cụ thể về giá điện dùng trong tưới tiêu, hỗ trợ tài chính để mua giống cây trồng, thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật, ... Miễn thuế sử dụng đất trong một vài vụ cho những nơi bị thiên tai.

- **Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu thông qua chuyển đất đai từ sản xuất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích khác**

- **Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu thông qua hỗ trợ đầu tư.**

- **Các chương trình môi trường:**

Chương trình này nhằm mục đích tăng tỷ lệ diện tích phủ xanh trên những vùng đất cằn cỗi, bảo vệ môi trường sinh thái, người dự trữ nước cũng như hệ động thực vật thiên nhiên. Chương trình môi trường đáng chú ý nhất là chương trình 5 triệu ha. Mỗi năm, Chính Phủ chi khoảng 300 tỷ đồng cho trồng rừng và phủ xanh đất trống đồi trọc.

- **Chi trả theo chương trình hỗ trợ vùng:**

Nhà nước trích một phần ngân sách để thanh toán lại cho các cộng đồng thiểu số để ổn định đời sống cho họ, giảm hiện tượng đốt phá rừng làm nương rẫy,

phát triển những vùng hoang vắng thành vùng kinh tế mới hoặc khu công nghiệp sản xuất để tạo điều kiện di dân cho dân những vùng đông đúc vừa trải qua thiên tai, động đất, lở đất. Các hoạt động này bao gồm: xây dựng cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm y tế, chợ v.v...; tổ chức các khóa huấn luyện phương pháp Sản xuất cho người dân tộc thiểu số; cung cấp phương tiện vận tải, trợ cấp thực phẩm, và một số vốn nhất định cho những hộ dân di cư tới vùng kinh tế mới để họ có thể bắt đầu Sản xuất. Cung cấp phí vận chuyển hàng đến những vùng sâu, vùng núi cao; cho vay tín dụng ưu đãi cho dân cư đồng bằng sông Mekong để xây nhà chống lũ. Từ năm 1999, Nhà nước đề ra Chương trình 135 tập trung vào ưu tiên phát triển 1.000 địa điểm khó khăn ở vùng sâu, vùng xa.

• **Chương trình kinh tế xã hội:**

Bao gồm các hội thảo, phổ biến, giới thiệu các phương pháp sản xuất kinh doanh, sau đó tiến hành cho vay tín dụng để hỗ trợ các đối tượng nhận vốn phát triển Sản xuất, chế biến và tổ chức triển khai thương mại những hàng hóa do họ sản xuất ra để tạo thêm việc làm và thu nhập.

**Bảng 2.5: Kinh phí hỗ trợ nông nghiệp thuộc hợp xanh lá cây
Giai đoạn 1999-2000**

ĐVT: tỷ đồng

STT	CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ	NĂM		
		1999	2000	2001
1	Dịch vụ chung	6,292.05	9,117.07	7,443.23
2	Dự trữ lương thực quốc gia	617.90	520.40	1,971.40
3	Trợ cấp lương thực	92.50	85.44	197.70
4	Trợ cấp cho người có thu nhập thấp	150.81	166.61	105.80
5	Hỗ trợ khắc phục thiên tai	970.20	2,250.07	1,734.36
6	Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp	5.61	15.98	109.80
7	Trợ cấp chuyển dịch cơ cấu thông qua hỗ trợ đầu tư	181.78	270.74	170.44
8	Các chương trình môi trường	774.27	778.59	3,630.02
9	Hỗ trợ vùng	800.70	1,124.00	3,063.00
10	Chương trình kinh tế xã hội	771.10	905.27	853.20

Nguồn: WT/ACC/SPEC/VNM/3

2.3.2.2 Hộp xanh lam:

- **Hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp:** Thông qua Quỹ Hỗ trợ Phát triển, Chính Phủ cung cấp tín dụng ưu đãi cho hoạt động đầu tư theo Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước. Nhà nước bù chi cho các NHTM khoản chênh lệch giữa lãi xuất thị trường cho các vốn vay trung hạn và giải hạn và lãi xuất do nhà nước quy định để giúp các ngân hàng thương mại nhà nước có thể cho các dự án nông nghiệp vay với mức lãi suất ưu đãi. Ngoài ra, theo thông tư số 82/2000/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/8/2000 hướng dẫn thi hành Nghị Quyết của Nhà nước số 03/2000/NQ-Chính Phủ ngày 2/2/2000 về các hoạt động kinh tế của trang trại, Nhà nước cung cấp tín dụng lãi suất ưu trợ giúp phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, các hệ thống tưới tiêu, mạng lưới thông tin liên lạc, phương tiện chế biến,... để khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân và hộ gia đình phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp ở các trang trại.

- **Trợ cấp đầu vào cho người nghèo có thu nhập thấp hoặc nông dân ở vùng khó khăn:** thường cấp cho những người sản xuất có thu nhập thấp hay thiếu nguồn lực ở vùng sâu vùng xa. Nhà nước lập ra mạng lưới tín dụng giúp đỡ người nghèo để tạo điều kiện cho họ tiếp cận vốn vay ngắn hạn như thành lập Ngân hàng Chính sách Xã hội để cung cấp những khoản vay ngắn hạn cho các hộ nghèo với một mức lãi suất ưu tiên bằng 50% lãi suất thị trường. Khoảng 90% người nghèo sống ở khu vực nông thôn đã hầu như đã đầu tư toàn bộ số tiền vay được của họ vào sản xuất nông nghiệp. Trong một số trường hợp cụ thể, Chính Phủ có thể khoan nợ hoặc xoá nợ cho những khoản vay không có khả năng chi trả của người nghèo.

- **Hỗ trợ nhằm khuyến khích chuyển đổi từ trồng cây thuốc phiện sang cây trồng khác:** Chính Phủ hỗ trợ người dân thay thế cây thuốc phiện chuyển sang các hoạt động nông nghiệp khác bằng cách hỗ trợ kỹ thuật,...Hỗ trợ kỹ thuật dưới dạng cung cấp các giống cây trồng, vật nuôi, phổ biến kỹ thuật canh tác, hỗ trợ chi phí hành chính để đa dạng cây trồng.

**Bảng 2.6: Kinh phí hỗ trợ nông nghiệp thuộc “Chương trình phát triển”
Giai đoạn 1999-2000**

ĐVT: tỷ đồng

STT	CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ	NĂM		
		1999	2000	2001
1	Hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp	524,30	1.137,85	886,78
2	Trợ cấp đầu vào cho người nghèo có thu nhập thấp hoặc nông dân ở vùng khó khăn	1.037,05	1.463,97	925,80
3	Hỗ trợ nhằm khuyến khích chuyển đổi từ trồng cây thuốc phiện sang cây trồng khác	9,60	11,10	1,47

Nguồn: WTO document WT/ACC/SPEC/VNM/3/Rev.7

2.3.2.3 Hộp hỗ phách:

Vào cuối những năm 90, phần lớn hỗ trợ của Chính Phủ dưới dạng hộp này được thực hiện thông qua Quỹ Bình ổn Giá: hỗ trợ tỷ lệ lãi suất cho các công ty thu mua gạo, đường, thịt lợn,... khi giá thị trường xuống quá thấp tức là tạo ra khó khăn lớn cho những người nông dân phụ thuộc hoàn toàn vào những nông sản chính này. Nhưng từ năm 1999, quỹ Bình ổn Giá đã chuyển thành Quỹ Hỗ trợ Xuất khẩu, hỗ trợ trong nước cho các mặt hàng nông sản như: gạo, đường,... lại được cấp thông qua Quỹ Hỗ trợ Xuất khẩu bằng các hình thức như sau:

- **Gạo:** ngoài biện pháp trợ giá, Nhà nước còn hỗ trợ lãi xuất vay vốn thu mua lúa trong mùa thu hoạch để giúp các Doanh nghiệp mua lúa trong vụ mùa khi giá lúa trên thị trường bị giảm mạnh gây thiệt hại cho nông dân.
- **Đường:** có các hình thức hỗ trợ như:
 - Trợ giá được tiến hành dưới các hình thức: Cấp giấy phép XK (cho đường thô và đường tinh luyện); Chỉ định nhà XK; Bắt buộc các công ty đường mua mía với giá quy định bảo vệ (Giá sàn) để bảo vệ thu nhập của người trồng mía (Giá sàn mua mía được chỉ định cho năm 1999 là 240.000d/tấn).
 - Giảm 50% thuế VAT, hỗ trợ lãi xuất vốn vay đầu tư, bù lỗ phần chênh lệch tỷ giá thị trường và tỷ giá quy đổi được áp dụng, hỗ trợ lãi suất vốn vay mua mía trong mùa thu hoạch, Tài trợ vốn lưu động Sản xuất, hỗ trợ phát triển vùng

mía. Biện pháp hỗ trợ phát triển vùng nông sản không chỉ từ Quỹ hỗ trợ xuất khẩu mà lấy từ ngân sách địa phương.

Đối với mặt hàng đường, ngoài các hình thức hỗ trợ nêu trên, Nhà nước còn trợ giúp tài chính để nhập khẩu các giống mía mới để trồng ở các tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Thừa thiên-Huế, Ninh thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Quảng Bình, Kon Tum. Năm 2004, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 28/2004/Quyết định-TTg tháng 3/2004 về các giải pháp khắc phục khó khăn cho ngành công nghiệp mía đường. Vốn từ ngân sách nhà nước sẽ được cấp cho các nhà máy mía đường, bao gồm cả xoá nợ đối với ngân sách Chính Phủ (như nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng), cơ cấu lại các khoản nợ chưa trả của các nhà máy đường, bù đắp cho khoản chi phí tăng thêm do biến động tỷ giá hối đoái, cấp tín dụng ưu đãi từ Quỹ Hỗ trợ Xuất khẩu của Chính Phủ.

- **Thịt heo, rau quả:** Nhà nước hỗ trợ lãi xuất vốn vay mua heo để giúp các Doanh nghiệp mua heo giá heo trên thị trường bị giảm mạnh gây thiệt hại cho nông dân. Ngoài ra, Nhà nước còn đưa ra Chương trình trợ giúp tạo giống mới. Theo Quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10/12/1999 tập trung vào nghiên cứu, phát triển và bảo vệ giống mới, nguồn gien, Sản xuất giống mới v.v..., và nhập khẩu nguồn gien mới và các nguồn gien khác; sản xuất giống mới chất lượng cao để cung cấp cho nông dân và các trang trại. Nhà nước giúp đỡ cho nhà nông giảm chi phí sản xuất bằng cách tài trợ cho các trung tâm sản xuất giống để họ giảm giá bán giống. Bởi vì, chi phí để duy trì và bảo vệ đàn gia súc làm giống thường rất cao vì phải đáp ứng các yêu cầu và quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt. Vì vậy, nông dân không đủ tiền để mua giống mới có chất lượng cao và phải sử dụng giống có chất lượng thấp.

Bảng 2.7: Giá trị Tổng lượng hỗ trợ gộp theo một số mặt hàng nông sản cụ thể giai đoạn 1999-2001*DVT: Tỷ đồng*

SỐ TT	Sản phẩm	Tổng giá trị sản phẩm						AMS theo sản phẩm cụ thể		
		Tổng giá trị			10% giá trị			1999	2000	2001
		1999	2000	2001	1999	2000	2001			
1	Gạo	76.869,40	63.691,60	63.088,10	7.687,00	6.369,10	6.308,81	27,20	61,94	0,00
2	Đường	6.956,00	6.102,73	6.831,27	695,60	610,27	683,13	4.269,27	3.977,93	3.637,59
3	Thịt heo	16.641,24	17.472,14	16.969,47	1.664,12	1.747,2	1.852,03	3,20	0,00	0,00
4	Bông	122,10	103,40	150,10	12,21	10,34	15,01	2,00	9,52	13,36
	Tổng cộng	100.588,74	87.369,87	87.038,94	10.058,93	8.736,91	8.858,98	4.301,67	4.049,39	3.974,95

Nguồn: WTO document WT/ACC/SPEC/VNM/3/Rev.7

CASE STUDY: Nghiên cứu thực tế của tác giả về hiệu quả của chính sách trợ cấp tại Công ty CP XNK cà phê Tây Nguyên để làm minh họa cho luận văn.

Như đã nêu ở phần 2.3.2, ngân sách trợ cấp của Việt Nam còn hạn chế cho nên tổng giá trị trợ cấp nông sản xuất khẩu của Việt Nam là rất ít nhưng số lượng doanh nghiệp được hưởng lại là rất nhiều. Vì vậy, các số tiền trợ cấp mà mỗi doanh nghiệp nhận được có thể nói là “li ti”. Hơn nữa, trợ cấp của Việt Nam là dựa trên tiêu chí xuất khẩu và phụ thuộc vào chiến lược xuất khẩu các mặt hàng, ngành nghề của Việt Nam theo từng năm cho nên các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản nhận được các khoản trợ cấp không liên tục qua các năm. Vì thế, bản thân đã gặp khó khăn trong việc tiến hành điều tra khảo sát tình hình trợ cấp nông sản xuất khẩu ở các Công ty xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản. Do đó, tôi xin phép được trình bày dưới dạng Case study như sau:

1. Vài nét về Công ty CP đầu tư và xuất nhập khẩu cà phê Tây Nguyên:

- Lịch sử hình thành: Công ty CP đầu tư và xuất nhập khẩu cà phê Tây Nguyên được thành lập theo quyết định số 3305/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/9/2004 của Bộ Trưởng Bộ NN và PTNT (tiên thân là Chi nhánh Tổng Công ty cà phê Việt Nam tại Dak lak-thành lập tháng 9/1995) là doanh nghiệp hạng 1. Công ty có trụ sở chính đặt tại Buôn Mê Thuộc tỉnh Dáklak và có các chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Gia Lai, Dak Nông.

- Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là thu mua và chế biến cà phê.

- Thành tích đạt được: Công ty đã xuất khẩu trên 50 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Hà Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc,....

2. Tình hình trợ cấp xuất khẩu tại Cty CP XNK cà phê Tây Nguyên:

Qua tiếp xúc, trao đổi trực tiếp, Cty CP XNK cà phê Tây Nguyên cho biết các trợ cấp mà Cty đã nhận được từ phía Nhà nước như sau:

* **Bù lỗ thu mua cà phê:** vào năm 2000, trong giai đoạn khủng hoảng thừa cà phê thế giới, giá cả cà phê thế giới ở mức thấp hơn giá cà phê trong nước (giá thế giới từ 500-700đ/kg, giá trong nước 1.200-1.350đ/kg) đã gây thiệt hại cho người dân trồng cà phê. Do vậy, trong giai đoạn này, Cty XNK cà phê Tây Nguyên đều được Nhà nước bù lỗ vì họ phải thu mua cà phê của nông dân theo mức giá do Nhà nước qui định để giảm bớt thiệt hại cho nông dân. Cty XNK cà phê Tây Nguyên cho biết, tổng cộng số tiền bù lỗ mà họ nhận được trong năm 2000 là 7 tỷ đồng.

* **Thưởng thành tích xuất khẩu:** Từ năm 2000 đến 2006, Công ty đã liên tục được Bộ thương mại xét thưởng thành tích xuất khẩu do kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể như sau:

Bảng 2.8: Thưởng kim ngạch xuất khẩu từ năm 20003-2006 của Công ty CP XNK cà phê Tây Nguyên

ĐVT: 1.000USD

	2003	2004	2005	2006
Kim ngạch xuất khẩu	81.543	111.034	129.000	202.491
Thưởng thành tích xuất khẩu	407,72	555,17	645,00	1.012,46

Nguồn: Theo thống kê của tác giả

*** Ưu đãi lãi suất in dụng vay vốn xuất khẩu:** Ngoài ra, Công ty CP XNK cà phê Tây Nguyên còn được vay vốn tín dụng xuất khẩu với lãi suất ưu đãi, thấp hơn 50% so với lãi suất thị trường cho từng hợp đồng xuất khẩu cà phê từ Ngân hàng phát triển Việt Nam. Qua điều tra cho thấy, hàng năm Chính phủ sẽ ban hành danh mục ưu tiên vay vốn tín dụng ưu đãi. Theo đó, Ngân hàng phát triển sẽ dựa vào danh mục đó để cho các Công ty XNK nông sản vay vốn. Tuy nhiên, danh mục được này ban hành chậm cho nên ảnh hưởng đến sự cân đối tài chính của các doanh nghiệp. Hơn nữa, do ngân sách trợ cấp còn hạn chế nên đáp ứng hết nhu cầu vay vốn của Cty.

*** Trợ cấp xúc tiến thương mại:** Cty CP XNK cà phê Tây Nguyên cho biết, hầu như Chính phủ không trợ cấp xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp. Cty phải tự tìm đến các hội chợ, tự trang trải kinh phí khi tham gia vào các hoạt động xúc tiến thương mại như hội chợ, triển lãm,.... Bộ tài chính không hỗ trợ bằng tiền mà chỉ hỗ trợ bằng cách cho doanh nghiệp hạch toán các chi phí tham gia triển lãm vào chi phí giá thành của doanh nghiệp.

3. Ý kiến của Cty Cp XNK cà phê Tây Nguyên về hiệu quả các chính sách trợ cấp được nhận từ phía Nhà nước:

- Về biện pháp bù lỗ thu mua cà phê: thực chất đây là việc làm của Nhà nước nhằm giúp nông dân trồng cà phê giảm bớt tổn thất về thu nhập khi giá cà phê thế giới xuống thấp.

- Về thưởng kim ngạch xuất khẩu: số tiền này chỉ mang tính chất khuyến khích động viên, không đóng góp gì cho việc thúc đẩy xuất khẩu của Cty. Thật vậy, với những số liệu trên, ta thấy số tiền thưởng thành tích xuất khẩu của Nhà nước cho Công ty CP XNK cà phê Tây Nguyên rất ít so với kim ngạch xuất khẩu của họ.

Ví dụ: năm 2006 kim ngạch XK đạt 202.491.000USD nhưng thường xuất khẩu chỉ được 1.012.460USD (bằng 0,5% so với kim ngạch XK).

- Cho vay với lãi suất ưu đãi: Công ty cho biết, hiện nay Cty có nhu cầu vay vốn là rất lớn cho nên biện pháp trợ cấp này phân nào giúp cho doanh nghiệp tạm thời tháo gỡ khó khăn về vốn, giúp Công ty tăng hiệu quả kinh doanh.

- Còn về hỗ trợ về xúc tiến thương mại: việc cho phép Công ty hạch toán chi phí tham gia các chương trình xúc tiến thương mại cũng không giúp gì cho Cty trong việc đẩy mạnh việc tham gia các chương trình xúc tiến TM để tăng khả năng cạnh tranh, quảng bá thương hiệu. Bởi vì, nguồn vốn của Công ty phân lớn dành cho việc sản xuất kinh doanh và Công ty phải tự lo kinh phí để tham gia các Chương trình xúc tiến TM, cho nên Công ty phải hạn chế việc tham gia xúc tiến TM.

4. Ý kiến của Cty Cp XNK cà phê Tây Nguyên về bãi bỏ các biện pháp trợ cấp nói trên cho phù hợp với WTO: các trợ cấp mà Cty nhận được hầu như không tăng thêm hiệu quả cho hoạt động XK cà phê của Cty. Do vậy, Cty cho rằng, Nhà nước có bãi bỏ các trợ cấp nói trên thì cũng không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Cty.

Kết luận: qua case study em thấy, trợ cấp nông sản xuất khẩu mà Công ty CP XNK cà phê Tây Nguyên nhận được là các biện pháp: bù lỗ thu mua nông sản, thưởng thành tích xuất khẩu, hỗ trợ lãi suất tín dụng xuất khẩu. Đây là những biện pháp trợ cấp bị cấm theo quy định của WTO. Hơn nữa, các biện pháp này không giúp Công ty thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh và không giúp Công ty tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu. Do đó, Nhà nước cần phải loại bỏ những biện pháp trợ cấp này và chuyển sang biện pháp trợ cấp khác vừa phù hợp với quy định của WTO và vừa mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

(Nghiên cứu thực tế của tác giả)

2.4 ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA TRỢ CẤP NÔNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC QUY ĐỊNH CỦA WTO

2.4.1 Những biện pháp trợ cấp phù hợp với WTO:

Ngoài những trợ cấp không phù hợp nêu trên, Việt Nam cũng có những biện pháp trợ cấp phù hợp theo quy định của WTO như sau:

2.4.1.1 Trợ cấp xuất khẩu:

Thông qua Ngân hàng phát triển, Chính phủ Việt Nam đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản hoặc các doanh nghiệp có dự án xuất khẩu nông sản (theo danh mục ngành nghề được hưởng ưu đãi) các hình thức tín dụng đầu tư như cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư. Ngoài ra, trong những năm gần đây, để phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ một phần kinh phí cho các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong nước lẫn nước ngoài thông qua việc ban hành Quyết định 279/2005/QĐ-TTg về việc ban hành qui chế xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006-2010 (xem phụ chương). Nhìn chung, những loại trợ cấp nêu trên là những trợ cấp được phép (phù hợp theo điều 8 của Hiệp định SCM) và việc sử dụng các biện pháp trợ cấp này không bị khiếu kiện.

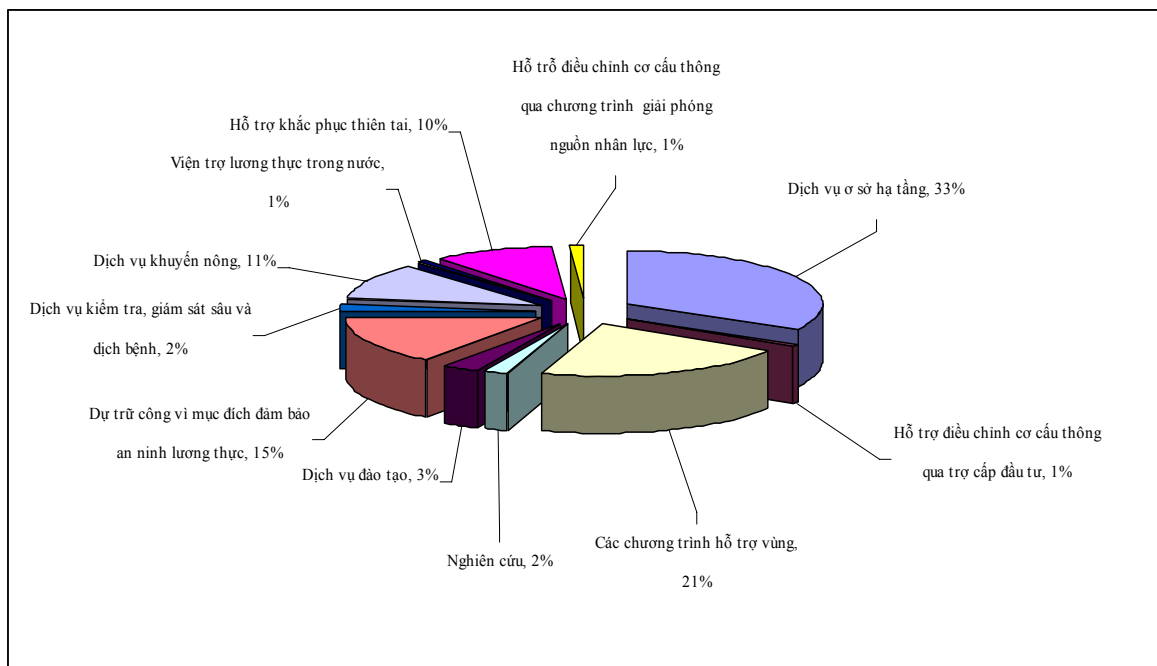
2.4.1.2 Hỗ trợ trong nước:

Đánh giá mức độ hỗ trợ trong nước của Việt Nam so với AoA trong giai đoạn 1999-2001 như sau:

- Hầu hết những biện pháp hỗ trợ trong nước thuộc dạng Hộp Xanh lá cây - là những biện pháp phù hợp với Phụ lục 2 của Hiệp định AoA được miễn trừ khỏi các cam kết cắt giảm bởi vì chúng "*không có, hoặc tác động tối thiểu bóp méo thương mại hoặc ảnh hưởng đến sản xuất*". Theo khảo sát của Dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực thể chế giúp Việt Nam gia nhập WTO thì những chính sách thuộc hộp này của chiếm khoảng 84,5% tổng giá trị các khoản hỗ trợ trong nước. Ví dụ như các trợ cấp của Chính phủ cho ngành chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam hiện nay chủ

yếu là trợ cấp cho những dịch vụ tổng quát (như nghiên cứu khoa học, huấn luyện, khuyến nông...), hỗ trợ lãi suất đầu tư, hỗ trợ xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng... đều thuộc loại trợ cấp không yêu cầu phải dỡ bỏ.

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu các chính sách hỗ trợ nông nghiệp thuộc nhóm hộp xanh lá cây giai đoạn 1999-2000



- Hỗ trợ hộp xanh lam chiếm khoảng 10,7%. Điều 6.5 của Hiệp định AoA có nêu: "*các khoản thanh toán trực tiếp trong các chương trình hạn chế sản xuất sẽ không phải là đối tượng cam kết cắt giảm hỗ trợ trong nước nếu: (i) các khoản thanh toán như thế dựa trên khu vực và sản lượng nhất định; hoặc(ii) các khoản thanh toán như thế bằng hoặc thấp hơn 85% mức sản lượng cơ sở; hoặc (iii) các khoản thanh toán cho chăn nuôi gia súc được chi trả theo số đầu gia súc cố định.*" Tuy nhiên, Việt Nam không áp dụng các hỗ trợ thuộc dạng hỗ trợ trực tiếp theo các chương trình hạn chế sản xuất. Những hỗ trợ thuộc hộp này chủ yếu dưới các hình thức hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, trợ cấp đầu vào cho người nghèo có thu nhập thấp hoặc nông dân ở vùng khó khăn và hỗ trợ nhằm khuyến khích chuyển đổi từ

trồng cây thuốc phiện sang cây trồng khác là những hỗ trợ phù hợp với điều 6.2 của Hiệp định AoA dành cho các nước đang phát triển.

- Hỗ trợ theo dạng hộp Hồ phách khoảng 4,9% trong tổng hỗ trợ trong nước.

Đối với hỗ trợ trong nước, tổng lượng hỗ trợ gộp còn rất thấp so với quy định của AoA. Điều 6.4 của Hiệp định AoA quy định mức tối thiểu của AMS mà các nước đang phát triển được phép áp dụng là 10%. Tuy nhiên, theo bảng 2.6, ta thấy, AMS tính được nhỏ hơn 10% của giá trị sản phẩm (trừ đường).

2.4.2 Những chính sách trợ cấp không phù hợp với WTO:

2.4.2.1 Các biện pháp trợ cấp chủ yếu là trợ cấp đèn đỏ và đèn vàng:

Theo tiến sĩ Trần Du Lịch, Viện trưởng Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, cho biết xét về trợ cấp nông nghiệp thì Nhà nước ta trợ cấp ít hơn so với nhiều nước trên thế giới, nhất là so với Mỹ và châu Âu.

Mặc dù trợ cấp rất ít, song các biện pháp trợ cấp của Việt Nam, trước khi gia nhập WTO vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với quy định của WTO. Phần lớn các biện pháp trợ cấp nông sản xuất khẩu rơi vào nhóm đèn đỏ và vàng.

Các hình thức trợ cấp như: khen thưởng xuất khẩu, ưu đãi thuế và tín dụng ngắn hạn cho hợp đồng xuất khẩu nông sản dựa trên tiêu chí xuất khẩu là những loại trợ cấp bị cấm, vi phạm điều 3 của Hiệp định SCM và điều 9 của Hiệp định AoA. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, trong những giai đoạn biến động mạnh của giá cả thị trường thế giới, người nông dân gặp rất nhiều khó khăn, vì vậy Chính phủ Việt Nam đã sử dụng các biện pháp hỗ trợ xuất khẩu để ổn định sản xuất và đẩy mạnh phát triển khu vực nông nghiệp.

Các biện pháp hỗ trợ thuộc nhóm đèn vàng mà Việt Nam đã sử dụng bao gồm hỗ trợ tỷ lệ lãi suất, hỗ trợ chênh lệch lãi suất, hỗ trợ tài chính đối với hàng xuất khẩu bị lỗ hoặc gặp khó khăn khi thị trường có biến động về giá cả,... là những trợ cấp vi phạm điều 5 của Hiệp định SCM. Những loại trợ cấp này có thể gây thiệt hại đến thương mại của các nước cho nên các hàng hóa được hưởng trợ cấp này khi

xuất khẩu sang nước khác dễ bị các nước khiếu kiện và đánh thuế chống bán phá giá, thuế đối kháng.

Tuy nhiên, kể từ khi đệ trình đơn xin gia nhập WTO, Việt Nam cũng đã dần điều chỉnh các biện pháp trợ cấp cho phù hợp theo quy định của WTO. Chẳng hạn như:

- Hình thức khen thưởng xuất khẩu được Chính phủ thực hiện đối với mặt hàng nông sản từ năm 1999. Tuy nhiên, để điều chỉnh cho phù hợp hơn với WTO, năm 2003, Việt Nam đã dần giảm bớt, chỉ áp dụng cho phần vượt trội xuất khẩu so với năm trước, các sản phẩm mới và xuất khẩu sang thị trường mới. Chẳng hạn như giai đoạn năm 2003-2004, Bộ Thương mại ban hành quyết định số 1116/2003/QĐ-BTM về quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002 và năm 2005 là năm cuối cùng Việt Nam thực hiện thưởng xuất khẩu. Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã bãi bỏ xét thưởng thành tích xuất khẩu theo Quyết định số 1042/QĐ-BTM của Bộ thương mại ngày 29/6/2007 (xem phụ chương).

- Chính sách ưu đãi thuế: cũng là biện pháp trợ cấp bị cấm. Một số qui định ưu đãi thuế nêu ở phần 2.3.1.1 đã được xử lý tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP như: dự án sản xuất, kinh doanh xuất khẩu đã bị loại ra khỏi danh mục lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích đầu tư. Các vấn đề ưu đãi của Luật thuế TNDN liên quan đến hoạt động xuất khẩu, trái với quy định của WTO cũng được bãi bỏ và sắp xếp lại cho phù hợp. Các khoản ưu đãi mang tính chất trợ cấp xuất khẩu như ưu đãi bổ sung về thuế TNDN gắn với thành tích xuất khẩu đều được bãi bỏ. Các nội dung khác gồm: ưu đãi thuế gắn với tỉ lệ xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu; ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất... cũng đang dần được xóa bỏ hẳn.

- Hình thức hỗ trợ tín dụng ngắn hạn theo hợp đồng xuất khẩu nông sản từ Quỹ hỗ trợ phát triển cũng đã được bãi bỏ. Để phù hợp hơn với tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam khi gia nhập tổ chức WTO, Việt Nam đã thành lập Ngân hàng phát triển thay cho Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam theo Quyết định số

108/2006/QĐ-TTg ngày 19/ 5/ 2006 (xem phụ chương). Theo đó, Ngân hàng phát triển vẫn tiếp tục và mở rộng thực hiện các hình thức hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhưng phù hợp với quy định của WTO như: thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển: cho vay đầu tư phát triển; hỗ trợ sau đầu tư; bảo lãnh tín dụng đầu tư và thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu: cho vay xuất khẩu; bảo lãnh tín dụng xuất khẩu; bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu.

2.4.2.2 Chưa biết cách khai thác trợ cấp cho phép của WTO và sử dụng các biện pháp trợ cấp được phép (trợ cấp đèn xanh) theo quy định của WTO rất ít:

WTO không quy định cấm trợ cấp mà chỉ cấm các trợ cấp mang tính bóp méo thương mại. Mặc dù, Việt Nam cũng có trợ cấp thuộc nhóm đèn xanh cho nông sản xuất khẩu như đã nêu. Tuy nhiên, Việt Nam chưa sử dụng nhiều các trợ cấp được phép theo WTO và cũng chưa tận dụng lợi thế là một nước đang phát triển để khai thác một số trợ cấp WTO cho phép dành cho các nước đang phát triển. Cụ thể như Đoạn 4 của Điều 9 Hiệp định AoA có quy định rằng "Trong giai đoạn thực hiện, các thành viên đang phát triển sẽ không bị yêu cầu thực hiện các cam kết đối với các loại trợ cấp xuất khẩu nêu tại tiểu đoạn (d) và (e) của đoạn 1", đó là:

“(d) trợ cấp nhằm giảm chi phí tiếp thị xuất khẩu nông sản... gồm chi phí vận chuyển, nâng phẩm cấp và các chi phí chế biến khác, và chi phí vận tải quốc tế và cước phí;

(e) Phí vận tải nội địa và cước phí của các chuyến hàng xuất khẩu, do chính phủ cung cấp hoặc uỷ quyền, với điều kiện thuận lợi hơn so với các chuyến hàng nội địa."

2.4.2.3 Hiệu quả thực hiện các biện pháp trợ cấp còn chưa cao:

Nhà nước sử dụng các biện pháp trợ cấp nông sản xuất khẩu như: thưởng xuất khẩu, cho vay ưu đãi, bù lỗ xuất khẩu,... đều không mang lại hiệu quả cho các doanh nghiệp, không giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, gia tăng kim ngạch xuất

khẩu và cũng không gián tiếp tăng thu nhập cho nông dân như theo như mục đích đã đề ra. Lâu nay những trợ cấp của Nhà nước chủ yếu chảy vào các công ty nhà nước nhưng điều oái ăm là những công ty này lại lỗ lã, làm ăn không hiệu quả. Chẳng hạn, trong lĩnh vực cà phê, tổng công ty đầu có hoạt động hiệu quả và năng động như các công ty tư nhân nhưng lại được hưởng nhiều quyền lợi. Rồi đến việc Nhà nước trợ cấp rất nhiều cho các Công ty sản xuất đường để gián tiếp hỗ trợ nông dân trồng mía. Thế nhưng, các Công ty này vẫn liên tục thua lỗ trong nhiều năm và nông dân trồng mía vẫn lao đao. Thương xuất khẩu thì chưa thỏa đáng mà thủ tục lại phức tạp.... Các biện pháp này chỉ mang tính chất động viên các doanh nghiệp xuất khẩu mà không giúp cho nông sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. Các biện pháp trợ cấp chỉ mới nhằm hỗ trợ đầu ra là chủ yếu. Trong khi đó, sản phẩm nông sản của Việt Nam chưa đủ sức cạnh tranh trên trường quốc tế do còn tồn tại nhiều vấn đề lớn về chủng loại, chất lượng, chi phí đầu vào,...rất cần những khoản trợ cấp hỗ trợ đầu tư nông nghiệp về giống, cơ sở hạ tầng, đào tạo,.. lại rất ít, không đem lại hiệu quả.

Hơn nữa, do ngân sách còn eo hẹp cho nên những trợ cấp nông sản xuất khẩu thông qua Quỹ Hỗ trợ Xuất khẩu, Quỹ hỗ trợ phát triển hầu như không đáng kể. Mặc dù khối lượng và phạm vi trợ cấp xuất khẩu có xu hướng tăng lên trong những năm qua nhưng giá trị trợ cấp là rất thấp. Ví dụ như: Qua tổng hợp số liệu về các hình thức hỗ trợ của Việt Nam cho thấy, thương thành tích xuất khẩu năm 2004 với tổng tiền thưởng đạt 29,4 tỷ đồng, tương đương gần 2 triệu USD và có 349 doanh nghiệp được thưởng. Con số này thật nhỏ so với hàng vạn doanh nghiệp và với kim ngạch xuất khẩu khoảng 39 tỷ USD/năm của Việt Nam. Ngoài ra, thực tế nhu cầu vay qua thông qua các Quỹ này là rất lớn, nhưng nguồn quỹ cho vay thì hạn chế nên chỉ một số ít doanh nghiệp, ngành hàng được vay. Những ngành cần hỗ trợ để nâng năng lực xuất khẩu như chế biến nông sản (rau quả, thịt lợn) để nâng cao giá trị gia tăng cho ngành thì thường không đủ điều kiện vay. Do quy mô sản xuất nhỏ, không đảm bảo nguồn nguyên liệu, nên ước tính hiệu quả kinh tế của dự án thường thấp, khả năng thu hồi vốn chậm. Các trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ nông nghiệp

do không có khả năng thế chấp, phương án kinh doanh không thuyết phục nên rất khó tiếp cận khoản vay này.

2.4.2.3 Một số biện pháp trợ cấp còn mang tính ngắn hạn, nặng về xử lý tình thế và thiếu tập trung:

Các chính sách trợ cấp của Việt Nam thường mang tính giải quyết tình thế, không theo một chương trình tổng thể hay một kế hoạch được Chính phủ phê duyệt trước. Diện mặt hàng và số lượng nông sản được hỗ trợ tùy thuộc vào tình hình phát sinh mà chưa có những tiêu chí cụ thể cho chính sách hỗ trợ. Chẳng hạn như việc cung cấp tín dụng ngắn hạn cho các mặt hàng xuất khẩu thường phải thực hiện theo danh mục các mặt hàng xuất khẩu do Chính phủ phê duyệt theo từng năm. Hoặc khi gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu do giá thế giới sụt giảm hay dư thừa lượng sản xuất trong nước, làm cho xuất khẩu bị thua lỗ thì Nhà nước ban hành hàng loạt các giải pháp nhằm giảm bớt sự khó khăn, khắc phục phần nào thiệt hại cho nông dân. Ví dụ như biện pháp bù lỗ cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản để thu mua nông sản của người dân, chỉ giải quyết được vấn đề trước mắt là khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua nhằm giúp nông dân có thể bán được sản phẩm để có tiền trang trải nợ nần và có vốn tiếp tục sản xuất. Nếu thị trường diễn biến liên tục như vậy trong nhiều năm thì biện pháp này sẽ không thể tiếp tục thực hiện được do hạn chế ngân sách và còn có thể để lại hậu quả nặng nề hơn.

2.4.2.4 Về đối tượng nhận trợ cấp chưa phù hợp với WTO:

Trước đây các khoản hỗ trợ của Việt Nam chủ yếu vẫn thông qua các doanh nghiệp thu mua, người nông dân chỉ là đối tượng thụ hưởng gián tiếp. Hình thức này bị cấm trong WTO. Đây là vấn đề mang tính lịch sử vì ngành nông nghiệp của Việt Nam phát triển quá mạnh mẽ và do số nông dân đông lại không có sự quản lý cụ thể nên Nhà nước thường hỗ trợ thông qua doanh nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp Nhà nước), nông dân chỉ là người hưởng lợi gián tiếp. Vì vậy, cần đổi mới chính sách hỗ trợ, không trợ cấp vào doanh nghiệp xuất khẩu nữa mà chuyển tiếp

vào trực tiếp đến người nông dân, người sản xuất và chế biến nông sản. Nhà Nước thường hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp dưới dạng trợ cước, trợ giá, hỗ trợ lãi suất để thu mua hàng xuất khẩu và hỗ trợ lãi suất cho tạm trữ hàng nông sản.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2:

Chương 2 đã trình bày chi tiết về hiện trạng trợ cấp của Việt Nam dành cho nông sản. Qua đó, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy một cách khái quát hơn toàn cảnh trợ cấp nông sản của Việt Nam. Có thể nói, trong những năm qua, Việt Nam cũng đã sử dụng khá nhiều biện pháp trợ cấp cho nông sản như: trợ giá, ưu đãi tín dụng xuất khẩu, khen thưởng xuất khẩu, trợ cấp nghiên cứu nông nghiệp, trợ cấp phát triển vùng sản xuất nông nghiệp,... Các biện pháp trợ cấp nông nghiệp nói trên đã đóng góp phần nào cho sự phát triển của nông nghiệp và phần nào cũng giúp nông sản Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, chương 2 cũng đã chỉ rõ bên cạnh những trợ cấp phù hợp với quy định của WTO, đa số các biện pháp trợ cấp của Việt Nam vẫn còn nhiều điểm bất cập so với nhu cầu của ngành nông nghiệp cũng như là so với các quy định trong WTO. Cụ thể như các trợ cấp hầu hết là trợ cấp đèn đỏ và đèn vàng, trợ cấp đèn xanh rất ít. Ngoài ra, ngân sách trợ cấp thì eo hẹp nhưng chính phủ lại dành cho những trợ cấp đầu ra tức là chỉ trợ cấp để đạt kim ngạch xuất khẩu trong một giai đoạn ngắn, không chú trọng những trợ cấp nhằm làm phát triển bền vững ngành sản xuất nông sản, tăng chất lượng nông sản, phát triển thương hiệu nhằm tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam với nông sản thế giới – là những trợ cấp đầu vào. Đây là cơ sở chính để tác giả đưa ra các giải pháp trợ cấp nông sản cho phù hợp với quá trình hội nhập ở chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM CHO PHÙ HỢP VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3.1 Mục tiêu:

3.1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu tổng quát trong chiến lược xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2006 – 2010: phát triển xuất khẩu với tốc độ cao, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng tiềm năng, mặt hàng mới theo hướng nâng cao hiệu quả đi đôi với chuyển dịch cơ cấu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng có giá trị gia tăng cao, giảm dần tỉ trọng hàng thô hoặc sơ chế, tăng xuất khẩu dịch vụ, phấn đấu đến năm 2010 xuất khẩu hàng hóa đạt trên 80 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2006- 2010 tối thiểu 18%.

3.1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng nông nghiệp 2,9 - 3%.
- Kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản 7,4 tỷ USD.
- Khối lượng một số mặt hàng chủ yếu: Gạo 4,5 - 5 triệu tấn, cà phê nhân 850 nghìn tấn, cao su mủ khô 820 nghìn tấn, chè búp khô 105 nghìn tấn, hạt tiêu 115 nghìn tấn, hạt điều nhân 105 nghìn tấn, rau quả 350 triệu USD, mặt hàng lâm sản 2,35 tỷ USD.
- Thực hiện chính sách huy động vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn; phát triển mạnh công nghệ sau thu hoạch, mở mang ngành nghề, dịch vụ, giải quyết việc làm cho khoảng 1 triệu lao động, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 17% .

3.2 Căn cứ để đưa ra giải pháp:

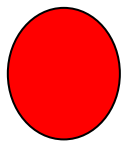
Hiện nay, Việt Nam đã gia nhập WTO. Vì vậy, Việt Nam phải tuân theo quy định chung của WTO và các cam kết khi gia nhập về trợ cấp xuất khẩu. Do đó, luận văn lấy căn cứ từ hiệp định SCM và hiệp định AoA, các cam kết của Việt Nam, đồng thời dựa trên kinh nghiệm của Mỹ và Trung Quốc ở chương 1 và kết hợp với những phân tích hiện trạng các chính sách trợ cấp xuất khẩu của Việt Nam ở chương 2 để đưa ra các giải pháp ở chương này.

3.2.1 Tóm tắt quy định của WTO về trợ cấp

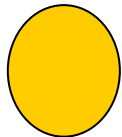
WTO có 2 bộ tiêu chuẩn về trợ cấp. Một bộ áp dụng cho nông sản đề cập trong Hiệp định nông nghiệp. Một bộ áp dụng cho sản phẩm phi nông nghiệp, được quy định trong Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng. Để làm căn cứ đưa ra giải pháp đổi mới chính sách trợ cấp mặt hàng nông sản trong luận văn tác giả đã tóm tắt quy định về trợ cấp của hai Hiệp định nói trên như sau:

3.2.1.1 Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM):

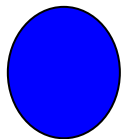
Hiệp định về Trợ cấp và biện pháp đối kháng dài khoảng 5 trang, gồm 11 phần, 32 điều và 07 phụ lục. Tuy nhiên, SCM chia trợ cấp thành ba loại theo đặc tính, mục đích và bản chất. Tác giả đã tóm tắt những qui định về trợ cấp của Hiệp định SCM như sau:



1/Trợ cấp bị cấm hoàn toàn (trong bài gọi là "trợ cấp đèn đỏ")



2/Trợ cấp không bị cấm nhưng có thể là đối tượng của các biện pháp đối kháng (trong bài gọi là trợ cấp đèn vàng)



3/Trợ cấp không bị cấm và cũng không phải là đối tượng của các biện pháp đối kháng (trong bài gọi là "trợ cấp đèn xanh")

Bảng 3.1: Phân loại trợ cấp theo Hiệp định SCM

	Các quy định của WTO	Ghi chú
Trợ cấp đèn đỏ (trợ cấp bị cấm hoàn toàn)	<p>Trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp khuyến khích sử dụng hàng nội so với hàng nhập khẩu. Chẳng hạn như các biện pháp trợ cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp dựa trên cơ sở thực hiện xuất khẩu; - Giúp bảo lưu tiền như là một phần thưởng cho người xuất khẩu; - Ưu tiên trong việc chuyên chở trong nước và cước vận chuyển đối với hàng xuất khẩu hơn đối với hàng tiêu dùng nội địa; - Cung cấp hàng hoá hay dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu với các điều kiện ưu đãi hơn cho sản xuất hàng tiêu dùng nội địa; - Miễn toàn bộ hay một phần, cắt giảm hoặc hoãn thu một số thuế trực tiếp, thuế gián tiếp (thuế lợi tức, GTGT) cho hàng xuất khẩu; 	Xem điều 3 và phụ lục I của Hiệp định SCM được nêu tại phụ chương 1 của đề tài
Trợ cấp đèn vàng (Trợ cấp được phép nhưng có thể bị khiếu kiện)	<p>Theo điều 2, các loại trợ cấp đèn vàng là các trợ cấp áp dụng ở phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một doanh nghiệp hay một nhóm doanh nghiệp; - Một lĩnh vực công nghiệp hay một nhóm các ngành công nghiệp; - Một vùng địa lý chỉ định thuộc phạm vi quản lý của chính quyền sử dụng trợ cấp. <p>Các trợ cấp đèn vàng không bị cấm nhưng xét riêng từng loại thì có thể bị khiếu kiện và áp dụng thuế đối kháng nếu chúng gây thiệt hại nghiêm trọng tới lợi ích các nước khác. Theo điều 6, tổn hại nghiêm trọng được coi là tồn tại trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị của trợ cấp tính theo giá hàng của một sản phẩm vượt quá 5%; - Các trợ cấp bù lỗ của một ngành công nghiệp; - Chính phủ xoá nợ trực tiếp. 	Xem phần 3 Hiệp định SCM
Trợ cấp đèn xanh (Trợ cấp được phép không bị khiếu kiện)	<p>Trợ cấp đèn xanh không bị cấm và cũng không phải là đối tượng của các biện pháp đối kháng, bao gồm: trợ cấp nghiên cứu và phát triển (R&D), trợ cấp phát triển khu vực và bảo vệ môi trường nhưng bảo đảm một số điều kiện. Ngoài ra, các trợ cấp đèn vàng cũng được xem là trợ cấp đèn xanh nếu báo cáo lên Uỷ ban về Trợ cấp và biện pháp đối kháng, và được Uỷ ban thông qua trước khi được đưa vào thực hiện.</p>	Điều 8 Hiệp định SCM

3.2.1.2 Hiệp định về Nông nghiệp (AoA):

Chế độ pháp lý của WTO về trợ cấp xuất khẩu đối với các nông sản có trong danh mục thì khác so với các hàng hóa khác. Những điều khoản của AoA phải được kiểm tra trước, bởi vì đối với nông sản thì thỏa thuận này được ưu tiên hơn so với thỏa thuận SCM nhưng vẫn bị chi phối bởi các quy định của SCM. Những quy định này khác so với quy định dành cho hàng công nghiệp. Hiệp định AoA dài khoảng 31 trang, gồm có 13 phần, 21 điều và 5 phụ lục. Khác với Hiệp định về Trợ cấp và biện pháp đối kháng, đối với hàng công nghiệp, chia trợ cấp thành 3 loại theo hệ thống đèn báo giao thông: đỏ, vàng và xanh còn Hiệp định về Nông nghiệp không có quy định về trợ cấp đèn đỏ (hay trợ cấp bị cấm). Cách tiếp cận của Hiệp định là yêu cầu các chính phủ giảm bớt việc sử dụng trợ cấp. Hiệp định phân trợ cấp thành: hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu. Hiệp định AoA chia hỗ trợ trong nước ra thành ba dạng hộp khác nhau (xanh lá cây, xanh lam và hồ phách) trên cơ sở tác động của chúng đến sản xuất và thương mại nông nghiệp, bao gồm: hộp xanh lá cây, hộp xanh lam và hộp hồ phách theo như bảng 3.2-là những tóm tắt của tác giả về những quy định của Hiệp định AoA về vấn đề trợ cấp.

Bảng 3.2: Phân loại trợ cấp theo Hiệp định AoA

	Các quy định của WTO	Ghi chú
Trợ cấp xuất khẩu	<p>Trợ cấp xuất khẩu vẫn phần nào được cho phép áp dụng đối với hàng nông sản. AoA chỉ hạn chế của những chính sách này, mà trước đây là không có.</p> <p>Các loại trợ cấp xuất khẩu có trong cam kết cắt giảm gồm: trợ cấp trực tiếp cho người sản xuất hàng xuất khẩu, nhà nước bán lượng dự trữ nông sản với giá thấp hơn giá nội địa, tài trợ các khoản xuất khẩu nông sản, trợ cấp để giảm chi phí tiếp thị nông sản (<i>không áp dụng với các nước đang phát triển</i>), ưu đãi về cước phí vận tải trong nước và quốc tế đối với hàng xuất khẩu (<i>không áp dụng với các nước đang phát triển</i>), và trợ cấp cho các sản phẩm nông nghiệp nếu chúng được sử dụng để sản xuất các sản phẩm xuất khẩu.</p>	<p>Xem Điều 9 của Hiệp định AoA (phụ chương 2)</p>

Hỗ trợ trong nước	<p>* <i>Hộp xanh lá cây</i>: gồm các chương trình chi trả trực tiếp nhằm hỗ trợ thu nhập của người nông dân nhưng được cho là không ảnh hưởng đến các quyết định sản xuất (không mang tính bóp méo thương mại). Các biện pháp hỗ trợ này được hoàn toàn loại trừ khỏi cam kết cắt giảm. Chúng cũng bao gồm khoản hỗ trợ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình trợ cấp hồi hưu cho người sản xuất nông nghiệp; - Chương trình chuyển đổi nguồn lực; - Các chương trình bảo vệ môi trường; - Các chương trình hỗ trợ vùng; - Dự trữ quốc gia vì mục đích an ninh lương thực; - Các chương trình trợ cấp lương thực trong nước; - Một số hình thức hỗ trợ đầu tư; - Các dịch vụ chung của Nhà nước phục vụ cho: nghiên cứu, đào tạo và khuyến nông; thông tin thị trường và cơ sở hạ tầng nông thôn. 	Phụ lục 2 của Hiệp định AoA
	<p>* <i>Hộp xanh lam</i>: Những biện pháp hỗ trợ này cũng được miễn khỏi cam kết cắt giảm mặc dù có thể có ảnh hưởng bóp méo sản xuất và thương mại nhưng chỉ ở mức tối thiểu. Đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi trả trực tiếp trong các chương trình hạn chế sản xuất nếu những khoản chi trả này được tính trên cơ sở diện tích và sản lượng cố định; hoặc những khoản chi trả này tính cho 85% hoặc dưới 85% mức sản lượng cơ sở; hoặc các khoản chi trả cho chăn nuôi được tính theo số đầu gia súc, gia cầm cố định; - Với những nước đang phát triển, việc hỗ trợ được thực hiện thông qua các khoản hỗ trợ đầu tư của chính phủ; trợ cấp đầu vào cho những người sản xuất có thu nhập thấp và thiếu nguồn lực; Hỗ trợ để khuyến khích việc chuyển từ cây trồng thuốc phiện sang các cây trồng khác không phải là đối tượng cam kết cắt giảm. 	Điều 6 (đoạn 2, 5) của Hiệp định AoA
	<p>* <i>Hộp hổ phách</i>: Loại hỗ trợ mang tính bóp méo thương mại rõ ràng và do vậy sẽ không được miễn và buộc phải cắt giảm. Mức độ hỗ trợ của chính phủ cho ngành nông nghiệp trong Hộp hổ phách được tính bằng “Tổng mức hỗ trợ gộp” (AMS). Biện pháp hỗ trợ cho một mặt hàng cụ thể (hay hỗ trợ không cụ thể) sẽ được loại trừ ra khỏi tính toán Tổng AMS nếu hỗ trợ đó không lớn hơn mức cho phép đã được qui định, gọi là loại trừ mức tối thiểu (tức là sẽ không phải cắt giảm). Mức tối thiểu này cho các nước phát triển không lớn hơn 5% và 10% cho những nước đang phát triển.</p>	Điều 1, Điều 6, Điều 7, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 của HD AoA

3.2.2 Các cam kết của Việt Nam về trợ cấp:

Kể từ ngày 07/11/2006 – ngày Việt Nam gia nhập WTO, Việt Nam cam kết xoá bỏ trợ cấp xuất khẩu như sau:

- Đối với trợ cấp bị cấm theo quy định của Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO, Việt Nam đồng ý bãi bỏ hoàn toàn các loại trợ cấp bị cấm theo quy định WTO là:

- Trợ cấp thay thế nhập khẩu như thuế ưu đãi theo tỷ lệ nội địa hoá và các loại trợ cấp xuất khẩu dưới hình thức cấp phát trực tiếp từ ngân sách nhà nước như bù lỗ cho hoạt động xuất khẩu, thưởng theo kim ngạch xuất khẩu, hỗ trợ lãi suất cho hợp đồng xuất khẩu.

- Các loại trợ cấp xuất khẩu “gián tiếp” sẽ không cấp thêm kể từ khi gia nhập WTO. Tuy nhiên, với các dự án đầu tư đã được hưởng ưu đãi loại này từ trước ngày gia nhập WTO sẽ có một thời gian quá độ là 5 năm để bãi bỏ hoàn toàn. Riêng với ngành dệt may, tất cả các loại trợ cấp bị cấm dù là “trực tiếp” hay “gián tiếp”, đều được bãi bỏ ngay từ khi Việt Nam gia nhập WTO.

- Tuy nhiên WTO cũng cho phép các nước đang phát triển được áp dụng về trợ cấp chi phí tiếp thị, cước vận tải trong nước và quốc tế hàng xuất khẩu, Quỹ xúc tiến xuất khẩu và cho vay tín dụng để xuất khẩu - Điều khoản đối xử đặc biệt S&D trong Quy định trợ cấp xuất khẩu của WTO.

- Đối với trợ cấp bị cấm theo Hiệp định Nông nghiệp, Việt Nam cam kết như sau:

- Không áp dụng trợ cấp xuất khẩu đối với nông sản từ thời điểm gia nhập.

- Tuy nhiên, ta bảo lưu quyền được hưởng một số quy định riêng của WTO dành cho nước đang phát triển trong lĩnh vực này. Đối với loại hỗ trợ mà WTO quy định phải cắt giảm nhìn chung ta duy trì được ở mức không quá 10% giá trị sản lượng. Ngoài mức này, ta còn bảo lưu thêm một số khoản hỗ trợ nữa vào khoảng 4.000 tỷ đồng mỗi năm.

- Các loại trợ cấp mang tính chất khuyến nông hay trợ cấp phục vụ phát triển nông nghiệp được WTO cho phép nên ta được áp dụng không hạn chế. Các hình thức hỗ trợ nông nghiệp khác không gắn với xuất khẩu vẫn được duy trì.

3.3 Các giải pháp trợ cấp nông sản cho phù hợp với quy định của WTO:

3.3.1 Duy trì và đẩy mạnh các biện pháp trợ cấp phù hợp với WTO:

Để thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững và tính cạnh tranh ngành nông nghiệp, Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì và tăng đầu tư vào nông nghiệp với những hỗ trợ thuộc hộp xanh lá cây làm nền tảng vững chắc cho tăng sản xuất, năng suất và tính cạnh tranh cho nông sản xuất khẩu. Chẳng hạn như:

- Nhà nước có thể chuyển số tiền trợ cấp xuất khẩu trước đây sang để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp nông thôn (hệ thống thủy lợi, đê, kè, giao thông, điện, bưu chính, viễn thông, hệ thống chợ nông thôn...), nâng cao chất lượng giống, phát triển công nghệ sau thu hoạch, xây dựng các hệ thống kho chứa trữ đạt tiêu chuẩn cao và kho đệm để dự trữ lúa, phát triển những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp trên quy mô lớn....

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp tục đầu tư cho công tác nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn, nhập khẩu giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái.

- Tăng cường trợ cấp khuyến nông, đào tạo, xây dựng chính sách hỗ trợ nông nghiệp, phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho phát triển khoa học - công nghệ làm cơ sở đảm bảo sản xuất nông nghiệp với năng suất - chất lượng - hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Xây dựng hệ thống khoa học công nghệ nông nghiệp mạnh và đồng bộ đủ khả năng tiếp thu và làm chủ khoa học công nghệ hiện đại nước ngoài, tạo ra ngày càng nhiều các tiến bộ kỹ thuật có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật canh tác và giống mới vào sản xuất nhằm tăng sức cạnh tranh của nông sản xuất khẩu.

- Tăng mức cung cấp nguồn lực để cải tiến kỹ thuật cho giống cây trồng và giống vật nuôi, các dự án cơ sở hạ tầng nông thôn, thông tin thị trường kịp thời.

- Phát triển hệ thống bảo quản, chế biến nông sản với công suất phù hợp, công nghệ tiên tiến, đảm bảo nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Đầu tư mạnh cho công tác nghiên cứu, thông tin, dự báo thị trường nông sản trong nước và quốc tế, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

- Ngoài ra, theo qui định hiện hành của WTO, không có qui định hạn chế nào về xúc tiến xuất khẩu. Chính phủ cũng có thể hỗ trợ các nhà xuất khẩu thông qua hỗ trợ cho các đợt hội chợ và triển lãm thương mại, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước. Chẳng hạn như: Tăng kinh phí hỗ trợ trong công tác hội chợ, triển lãm ở nước ngoài nhằm giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm ra nước ngoài. Hoặc cung cấp kinh phí để các cơ quan ngoại giao của chính phủ ở nước ngoài mở rộng chức năng thu thập thông tin, quảng bá hình ảnh của đất nước ra thị trường thế giới, trở thành đầu mối gắn kết doanh nghiệp trong nước với nước ngoài. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần hỗ trợ thêm kinh phí để thuê các tổ chức chuyên nghiệp của nước ngoài thiết kế các chương trình xúc tiến thương mại được bài bản hơn và Nhà nước cũng nên dành phần kinh phí xứng đáng để xây dựng mạng lưới thu thập và cung cấp thông tin thị trường, thông tin chính sách cho các doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu. Một trong những cách hiệu quả nhất để cung cấp loại hỗ trợ này là thông qua các Hiệp hội ngành hàng, chẳng hạn như Hiệp hội Rau quả Việt Nam, Hiệp hội Cà phê và Ca cao Việt Nam, v.v.

3.3.2 Khắc phục các trợ cấp không phù hợp với WTO:

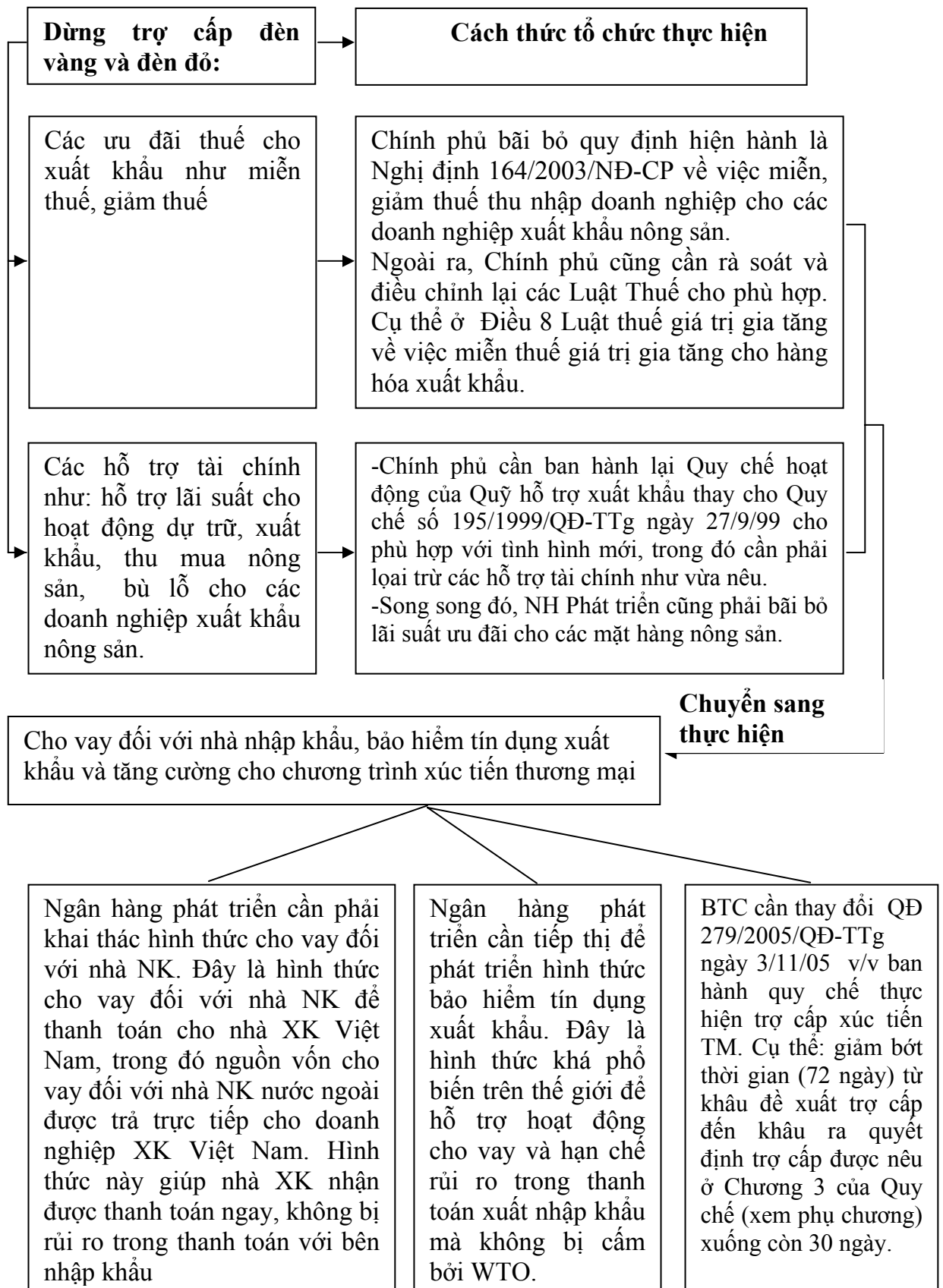
3.3.2.1 Dừng ngay các biện pháp trợ cấp đèn đỏ và đèn vàng:

**** Mục tiêu của giải pháp:***

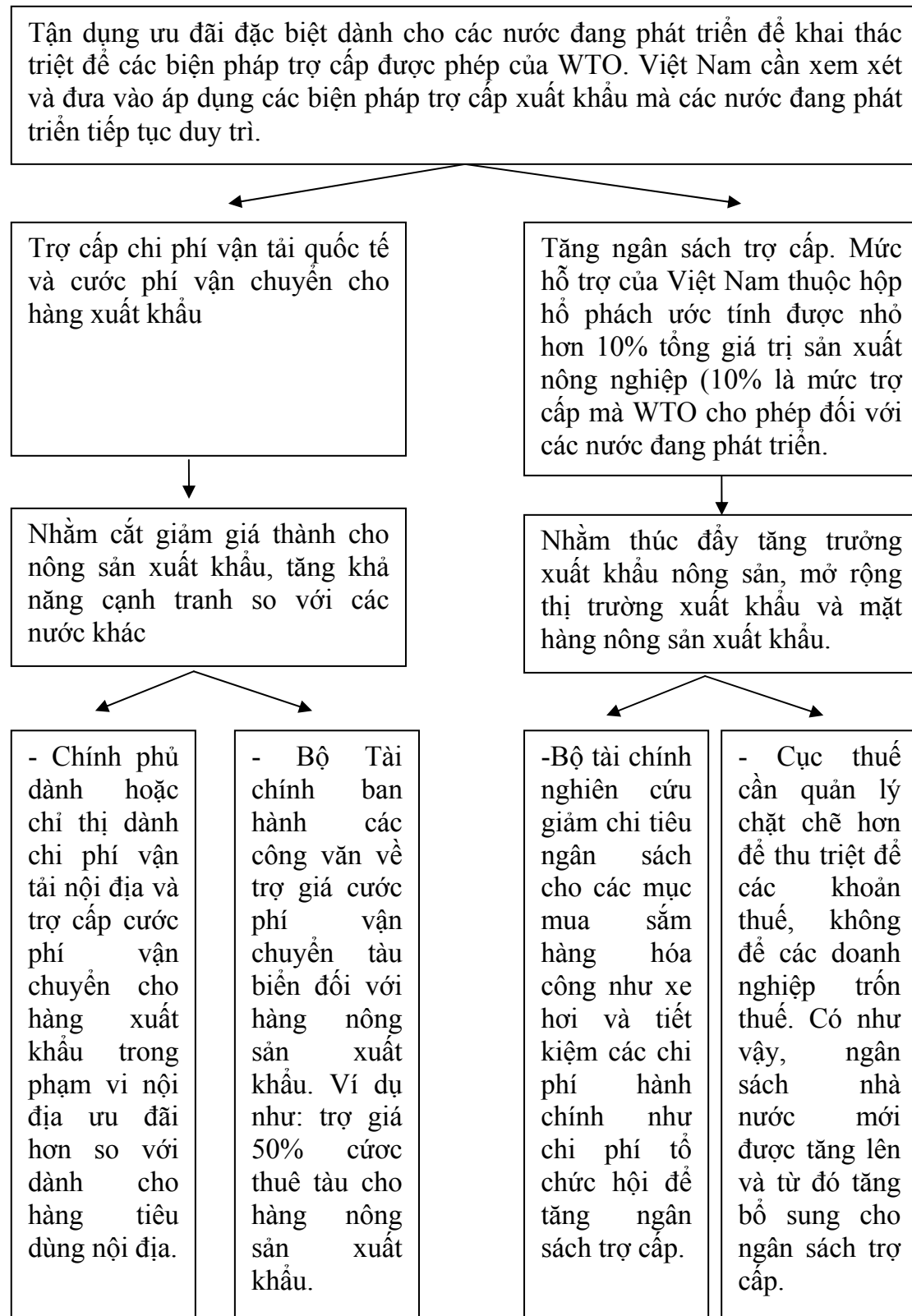
- Gia nhập WTO, Việt Nam cam kết xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu. Do vậy, giải pháp này giúp Việt Nam thực hiện được cam kết của Việt Nam về trợ cấp.
- Đảm bảo được tính công bằng trong hoạt động tài trợ.
- Không bị các nước khiếu kiện và áp dụng biện pháp đối kháng. Bởi vì, theo như qui định WTO, nếu Việt Nam sử dụng biện pháp trợ cấp trực tiếp cho một loại hàng hoá cụ thể, thì Chính phủ của nước nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp đối kháng để hạn chế tác động của trợ cấp gây ra nếu nó làm nguy hại đến ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu.

**** Dự kiến hiệu quả giải pháp mang lại:***

Kinh nghiệm từ các nước trên thế giới đã chỉ ra rằng trợ cấp nông nghiệp trực tiếp không thực sự thích hợp cho một quốc gia trong chiến lược nhằm tăng khả năng cạnh tranh của ngành hàng. Ngược lại, nó có thể dẫn đến tình trạng nhà xuất khẩu ỷ lại, trông chờ vào hỗ trợ Chính phủ. Do vậy, loại hỗ trợ tài chính này của chính phủ sẽ không giúp được nhiều cho các nhà xuất khẩu. Việc dừng các trợ cấp đèn đỏ và đèn vàng sẽ giúp doanh nghiệp có thể đứng vững hơn bằng đôi chân của chính mình, nâng cao khả năng cạnh tranh cho nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.



3.3.2.2 Sử dụng các trợ cấp cho phép của WTO dành cho các nước đang phát triển: Việt Nam là một nước đang phát triển, cho nên cũng được hưởng những ưu đãi của WTO dành cho các nước đang phát triển.



3.3.2.3 Khai thác các trợ cấp phù hợp với quy định của WTO mà Việt Nam chưa sử dụng:

Còn rất nhiều các biện pháp trợ cấp vừa phù hợp với đặc điểm nông nghiệp của Việt Nam vừa lại phù hợp với quy định của WTO mà Việt Nam chưa sử dụng, đó là:

Biện pháp trợ cấp	Mục tiêu	Cách thực hiện	Dự kiến hiệu quả của biện pháp mang lại
<i>Trợ cấp thông qua chương trình “Nghỉ dưỡng tài nguyên”</i>	Nhằm bảo vệ môi trường, hỗ trợ việc sản xuất ở các vùng có điều kiện bất lợi, hỗ trợ các khoản thanh toán trực tiếp cho người sản xuất.	Khi giá nông sản thế giới giảm liên tục, làm cho xuất khẩu nông sản bị lỗ, Chính phủ có thể chi tiền hỗ trợ nông dân để họ ngưng sản xuất để đất được “nghỉ ngơi” trong một thời gian từ 1-2 năm nhằm bảo vệ đất nông nghiệp khỏi sự khai thác quá mức và để đất có thời gian phục hồi.	Bằng cách này, Nhà nước có thể khắc phục phần nào thiệt hại cho nông dân, giảm khoản lỗ do việc xuất khẩu nông sản không hiệu quả.
<i>Trợ cấp thông qua chương trình “Chuyển mục đích sử dụng đất”</i>	Để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế vùng, giảm bớt việc sản xuất các mặt hàng có lợi thế so sánh thấp, chẳng hạn như mía đường.	- Chính phủ có thể chi trả bằng tiền mặt cho nông dân để hỗ trợ chi phí chuyển đổi, trợ cấp thu nhập cho nông dân trong thời gian đầu của việc chuyển đổi - Bộ NN và PTNT cung cấp giống cây trồng, hỗ trợ về mặt kỹ thuật gieo trồng cho người dân chuyển từ trồng mía sang trồng cây khác có lợi thế cạnh tranh hơn.	Tăng tiền trợ cấp cho các ngành khác hoạt động hiệu quả hơn do giảm bớt khoản tiền trợ cấp bù lỗ, các khoản trợ cấp lãi suất và các khoản trợ cấp khác dành cho ngành mía đường – là ngành nhận được rất nhiều trợ cấp của chính phủ trong nhiều năm nhưng hoạt động vẫn không hiệu quả, không cạnh tranh được với đường nhập khẩu.

3.3.2.4 Khắc phục tính ngắn hạn, xử lý tình thế trong các biện pháp trợ cấp:

Khắc phục tính ngắn hạn, xử lý tình thế trong các biện pháp trợ cấp	
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc trợ cấp trực tiếp cho nông dân. - Minh bạch hơn trong hoạt động tài trợ.
Dự kiến hiệu quả mang lại	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng tính chủ động của Nhà nước trong mọi trường hợp như khó khăn thị trường do giảm giá, do gặp thiên tai, các rủi ro bất khả kháng chứ không đợi khi sự việc xảy ra mới đưa ra các biện pháp trợ cấp để khắc phục. - Giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong việc khoan nợ, xóa nợ cho nông dân mỗi khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra. - Giảm tổn thất cho nông dân khi gặp rủi ro về thiên tai (lũ lụt), dịch bệnh (dịch cúm gia cầm, bệnh heo tai xanh).
Cách thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng danh mục ưu tiên mặt hàng nông sản hưởng trợ cấp. Thiết kế chương trình “bảo hiểm thu nhập cho nông dân”

*** Xây dựng danh mục ưu tiên các mặt hàng nông sản hưởng trợ cấp:**

Thực tế trong những năm qua, danh mục này thường ban hành chậm hơn so với yêu cầu hàng năm, khi có khó khăn về sản xuất và xuất khẩu nông sản do các biến động về giá cả và thời hạn là từng năm nên chỉ tạm thời giải quyết khó khăn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản. Do đó:

- *Về phía Nhà nước*: cần hỗ trợ kinh phí để điều tra cơ bản nhằm cung cấp thông tin tin cậy cho quá trình xây dựng danh mục ưu tiên trợ cấp.

- *Về Bộ NN và PTNT*: thực hiện việc xây dựng danh mục ưu tiên mặt hàng nông sản hưởng trợ cấp trong một thời gian dài tương ứng với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Ngoài ra, các mặt hàng nông sản nằm trong danh mục ưu tiên này phải có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh. Ví dụ như: Bộ NN và PTNT cần đệ trình Chính phủ duyệt danh mục mặt hàng nông sản ưu tiên trợ cấp xuất khẩu gồm có: lúa gạo, cà phê, hạt tiêu, hạt điều – là những mặt hàng nông sản chủ lực và có khả năng cạnh tranh cao trong thời gian là 5 năm ứng với “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội từ năm 2005 đến 2010”.

****Thiết kế Chương trình “bảo hiểm thu nhập cho nông dân”***

- *Bộ Tài chính*: cấp phép mở rộng hoạt động dịch vụ bảo hiểm sang lĩnh vực nông nghiệp cho Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam về việc bảo hiểm cho người dân khi phát sinh rủi ro gắn với cây trồng và vật nuôi.

- *Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam*: tiếp thị đến từng hộ nông dân và chủ trang trại hình thức bảo hiểm này.

- *Nhà nước*: có chính sách hỗ trợ một phần phí bảo hiểm cho người tham gia bảo hiểm, trong đó ưu tiên những đối tượng chính sách, các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn hoặc chăn nuôi, trồng trọt ở những vùng nhiều thiên tai, dịch bệnh....

3.3.2.5 Tăng cường trợ cấp đầu vào thay cho trợ cấp đầu ra:

**** Mục tiêu:***

- Để trợ cấp trực tiếp cho người sản xuất.
- Loại bỏ được việc trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất nông sản- là biện pháp trợ cấp không phù hợp với quy định của WTO.

**** Dự kiến hiệu quả mang lại:***

- Việc áp dụng những chính sách hỗ trợ này có tác dụng cơ bản đối với nền nông nghiệp, giúp nông dân Việt Nam có thể giảm được chi phí, tăng năng suất, và nâng cao tính cạnh tranh của mình.

- Làm triệt tiêu tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước của doanh nghiệp xuất khẩu.

- Loại bỏ trợ cấp phân ngọn, tăng trợ cấp phân gốc để tăng hiệu quả thực hiện các biện pháp trợ cấp. Bởi vì, xét về lâu dài thì các trợ cấp này không bền vững và không mang lại khả năng cạnh tranh cho nông sản Việt Nam.

*** Cách thực hiện:** Cần sớm thiết kế chính sách trợ cấp vật tư đầu vào để nâng cao chất lượng nông sản xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh từ khâu sản xuất, thu hoạch, chế biến.

- Chẳng hạn như: Bộ NN và PTNT cần đầu tư để nhanh chóng hoàn thành “Chu trình nông nghiệp an toàn” (GAP) và tập huấn đều khắp cho nông dân về chương trình này. Đây là một chương trình kiểm tra an toàn thực phẩm xuyên suốt từ A đến Z của dây chuyền sản xuất, bắt đầu từ khâu chuẩn bị nông trại, canh tác đến khâu thu hoạch, sau thu hoạch, tồn trữ, kể cả những yếu tố liên quan đến sản xuất như môi trường, các chất hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, bao bì, điều kiện làm việc và phúc lợi của người làm việc trong nông trại.

- Hay Chính phủ đưa ra các mức lãi suất ưu đãi (thấp hơn lãi suất thị trường) cho các hộ nông dân, chủ trang trại ở các vùng nguyên liệu để họ mua giống, máy móc,... nhằm tăng hỗ trợ sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu mà không vi phạm quy định của WTO.

3.3.3 Các giải pháp khác:

- Rà soát lại các chương trình trợ cấp hiện nay và trong tương lai của Việt Nam, so sánh với các nghĩa vụ theo Hiệp định SCM và AoA.

- Học hỏi kinh nghiệm của Mỹ và đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc.

- Chú trọng hỗ trợ nông dân trong tìm hiểu các thông lệ thương mại quốc tế, nhất là các kỹ thuật phức tạp như thuế chống bán phá giá, kiểm dịch động thực vật, chất lượng sản phẩm, quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại.

- Nhà nước cũng cần hỗ trợ nông dân để họ bảo vệ quyền lợi chính đáng quyền sở hữu cây, con giống và bí quyết có tính truyền thống, văn hóa địa phương.

- Ngoài ra, Nhà nước cần hỗ trợ nông dân thông qua Hội nông dân và Liên hiệp các hợp tác xã nông nghiệp cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ đào tạo, tri thức, kinh nghiệm hoạt động thương mại trong môi trường WTO cho nông dân cũng như tìm các hình thức liên kết, hợp tác các hộ kinh tế nông dân trong công cuộc đẩy mạnh quá trình phát triển công nghiệp chế biến nông sản, đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân khi gặp phải các tranh chấp thương mại trong WTO.

- Hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Khi hội nhập kinh tế, các doanh nghiệp cần phải nghĩ ngay đến việc đăng ký bảo hộ thương hiệu sản phẩm. Bởi vì, nếu không nhanh chân nhiều khi thương hiệu sản phẩm của chính doanh nghiệp mình sẽ bị đối tác đăng ký bảo hộ, lúc đó doanh nghiệp sẽ phải tốn nhiều tiền bạc và công sức để đòi lại thương hiệu hoặc để xây dựng lại thương hiệu mới. Ví dụ như thương hiệu Cà phê Trung Nguyên và Kẹo dừa Bến Tre, đã từng bị đối tác nước ngoài đăng ký bảo hộ, nên chủ thương hiệu đã phải tốn nhiều tiền của để đòi lại hai thương hiệu này.

- Chống trợ cấp là một xu hướng tất yếu của các nước nhập khẩu trên thế giới. Vì vậy, Nhà nước cần đào tạo cán bộ chuyên trách, tổ chức tìm hiểu kim nghiệm thế giới cũng như thành lập bộ phận chuyên trách về vấn đề này nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà xuất khẩu Việt Nam khi có tranh chấp xảy ra.

- Tiến hành đào tạo và nghiên cứu các tình huống về quyền hạn của Việt Nam theo Hiệp định SCM và AoA, bao gồm đào tạo các quan chức chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng và điều hành các luật lệ, quy định liên quan tới hỗ trợ của chính phủ cho khu vực nông nghiệp.

- Tham gia tích cực vào đàm phán tại vòng Doha và vào các nỗ lực để cắt giảm trợ cấp ở các nước phát triển.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:

Các hình thức trợ cấp là rất đa dạng, vấn đề là chọn loại nào, hỗ trợ mang tính bền vững thay cho cách làm mang tính tình thế để vừa thúc đẩy được sản xuất nhưng cũng nâng cao được hiệu quả và sức cạnh tranh cho toàn bộ nền kinh tế. Vì thế, vấn đề không chỉ là chính sách phù hợp với qui định của WTO mà còn phải phát huy tác dụng.

Quy định của WTO về trợ cấp chủ yếu tập trung vào việc phân biệt giữa các hình thức trợ cấp “được phép” và “không được phép”. Chính vì vậy, Việt Nam cần điều chỉnh chính sách phù hợp với WTO và tận dụng tối đa các chính sách không bị cấm nhưng chưa sử dụng để không gây ra sự ỷ lại vào trợ cấp, tạo sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Ngoài ra, Việt Nam cần xây dựng các chính sách trợ cấp nhằm:

- * Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản xuất trong nước bằng cách cắt giảm chi phí sản xuất, tăng sản lượng
- * Tập trung nhiều hơn vào những chủ trang trại tư nhân
- * Tập trung vào xúc tiến thương mại và cung cấp thông tin tới nông dân
- * Nâng cao tiêu chuẩn và chất lượng cây trồng vật nuôi.

Là thành viên của WTO, các chính sách hỗ trợ của Việt Nam sẽ phải chuyển từ biện pháp “hộp đỏ”, “hộp vàng” sang các “hộp xanh”, vì vậy Việt Nam cần nhắm vào các loại hàng hoá mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, và áp dụng các biện pháp trợ cấp cho phù hợp với quy định của WTO.

KẾT LUẬN



Vào ngày 07/11/2006 nước ta đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Gia nhập WTO, về cơ bản nước ta phải bãi bỏ các trợ cấp từ ngân sách được coi là bóp méo thương mại hàng hóa. Tuy nhiên, quy định của WTO vẫn cho phép một số loại trợ cấp không ảnh hưởng đến tính công bằng và tự do trong hoạt động thương mại toàn cầu. Thông qua các nội dung của các Hiệp định nói trên về trợ cấp, đồng thời cùng với những phân tích, đánh giá tổng hợp về chính sách trợ cấp nông nghiệp Việt Nam trong thời gian qua, có thể nói rằng tìm hiểu kỹ các biện pháp trợ cấp được phép áp dụng theo quy định của WTO không những đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, mà cả người nông dân. Vì vậy, để nông nghiệp Việt Nam có đủ khả năng cạnh tranh, vững chắc tiến sâu vào thị trường thế giới, Nhà nước cần phải duy trì, thậm chí tăng cường sử dụng các biện pháp trợ cấp được phép của WTO. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần đổi mới các chính sách trợ cấp không phù hợp có thể bị áp dụng thuế chống trợ cấp từ các nước. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần phải đấu tranh để cắt giảm các loại trợ cấp bóp méo thương mại của các nước phát triển.

---o0o---

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- 1) Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO (2006), *Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO*.
- 2) Bộ thương mại (2006), *Báo cáo thương mại Việt Nam năm 2006*.
- 3) Vụ Đa Biên (2001), *Cơ sở khoa học áp dụng thuế chống trợ cấp đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Bộ thương mại, Hà Nội.
- 4) Bộ thương mại (2007), *Tình hình phát triển thương mại Việt Nam tháng 6/2007*, Hà Nội.
- 5) Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2005), *Đánh giá sự phù hợp của chính sách nông nghiệp Việt Nam với các Hiệp định khu vực và đa phương*.
- 6) PGS.TS. Trần Thị Minh Châu (2006), “Chính sách trợ cấp xuất khẩu của Việt Nam và những vấn đề đặt ra”. *Tạp chí Châu Á – Thái Bình Dương*, (50) tr.24-30.
- 7) GS.TS Bùi Xuân Luru (2004), *Bảo hộ hợp lý nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB thống kê, Hà Nội.
- 8) Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam - Bộ thương mại (2005), *Đánh giá nhu cầu hỗ trợ liên quan đến thương mại giai đoạn 2007-2012*.
- 9) PGS.TS Đinh Văn Thành (2006), *Các biện pháp phi thuế quan đối với hàng nông sản trong thương mại quốc tế*, NXB LD-XH, Hà Nội.
- 10) UBQG về HTKTQT (2005), *Tác động của các hiệp định WTO đối với các nước đang phát triển*, Hà Nội.

Tiếng Anh:

- 11) Arwind Panagariya (2001), *Evaluating the case for export subsidies*, World Bank.

- 12) Fred Gale, Bryan Lohmar and Francis Tuan (2005), *China's new Farm Subsidies*, USDA.
- 13) Fred Gale (2002), *China Corn exports: Business as usual despite WTO entry*, USDA.
- 14) Harry de Gorter (2004), *Export subsidies: Agricultural policy reform and developing countries*.
- 15) Mel Annand, Donal F. Buckingham and William A. Kerr (2001), *Export subsidies and the World Trade Organization*.
- 16) The Cairn group, *Main effect of export subsidies*.
- 17) Tsabelle Schluep and Harry de Gorter (2000), *Export Subsidies and the Agreement on Agriculture*, ARD.
- 18) Zhao Yumi, Wang Hongxia, Linxuegui Mayu (2003), *Green box support measures under the WTO agreement on Agriculture and Chinese Agricultural sustainable development*, Chinese Academy of International Trade and Economic Cooperation (CAITEC).

Các trang web:

- 1) <http://www.agroviet.gov.vn>
- 2) <http://www.dddn.com.vn>
- 3) <http://www.nciec.gov.vn>
- 4) <http://www.mofi.gov.vn>
- 5) <http://www.mot.gov.vn>
- 6) <http://www.vnep.org.vn>
- 7) <http://www.vinanet.com.vn>
- 8) <http://www.usda.gov.vn>
- 9) <http://www.wto.org>